BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Số: 210/QĐ-QLD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành danh mục 281 thuốc nước ngoài được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 97

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 3861/QĐ-BYT ngày 30/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 44/2014/TT-BYT ngày 25/11/2014 của Bộ Y tế quy định việc đăng ký thuốc;

Căn cứ ý kiến của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Phòng Đăng ký thuốc - Cục Quản lý Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 281 thuốc nước ngoài được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 97.

Điều 2. Nhà sản xuất và công ty đăng ký thuốc có trách nhiệm cung cấp thuốc vào Việt Nam theo đúng các hồ sơ tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế. Số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp phải được in lên nhãn thuốc. Số đăng ký có ký hiệu VN-.....-17 có giá trị 05 năm kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Nhà sản xuất và công ty đăng ký thuốc phải chấp hành đầy đủ pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam và các quy định của Bộ Y tế về nhập khẩu thuốc và lưu hành thuốc tại Việt Nam; nếu có bất cứ thay đổi gì trong quá trình lưu hành thuốc ở nước sở tại và ở Việt Nam thì phải báo cáo ngay cho Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế Việt Nam.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, giám đốc nhà sản xuất và công ty đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

PHỤ TRÁCH QUẢN LÝ,
ĐIỀU HÀNH CỤC

Trương Quốc Cường
Thứ trưởng Bộ Y tế

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ trưởng Nguyễn Thị Kim Tiến (để b/c);
- Cục Quân Y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế Giao thông vận tải - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam;
- Vụ Pháp chế, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế, Thanh tra Bộ Y tế;
- Viện KN thuốc TW, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược VN;
- Các Công ty XNK Dược phẩm;
- Các Bệnh viện & Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Website của Cục QLD, Tạp chí Dược & MP - Cục QLD;
- Lưu: VT, KDD, ĐKT(10).

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC 281 THUỐC NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ HIỆU LỰC 5 NĂM - ĐỢT 97

Ban hành kèm theo quyết định số 210.../QĐ-QLD, ngày 08/6/2017

1. Công ty đăng ký: A. Menarini Singapore Pte. Ltd *(Đ/c: 30 Pasir Panjang Road, # 08-32 Mapletree Business City, Singapore (117440) - Singapore)*

1.1 Nhà sản xuất: Aupa Biopharm Co., Ltd. *(Đ/c: 1 Kwang-Fu Rd., Huko/ Hsin Chu Hsien - Taiwan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Librax	Chlordiazepoxide 5mg; Clidinium bromide 2,5mg	Viên nén bao đường	48 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 100 viên, 500 viên	VN-20355-17
2	Mestinon S.C.	Pyridostigmin bromid 60mg	Viên bao đường	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 150 viên	VN-20356-17

1.2 Nhà sản xuất: GE Healthcare Ireland *(Đ/c: IDA Business Park Carrigtohill Co. Cork - Ireland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
3	Omnipaque	Iohexol 647 mg/ml (tương đương Iod 300mg/ml)	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 chai x 100 ml	VN-20357-17
4	Omnipaque	Iohexol 755mg/ml (tương đương Iod 350mg/ml)	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 chai x 100 ml	VN-20358-17

2. Công ty đăng ký: Abbott Laboratories *(Đ/c: 100 Abbott Park Road, Abbott Park, Illinois 60064. - USA)*

2.1 Nhà sản xuất: Pharmatis *(Đ/c: Zone d'Activite Est No 1, 60190 Estrees Saint Denis - France)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

5	Fatig	Mỗi 10 ml chứa: Magnesium gluconat 0,426g; Calcium glycerophosphat 0,456g	Dung dịch uống	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 10 ống	VN-20359-17

3. Công ty đăng ký: Abbott Laboratories (Singapore) Private Limited *(Đ/c: 1 Maritime Square #12-01 Harbourfront Centre Singapore 099253 - Singapore)*

3.1 Nhà sản xuất: Aesica Queenborough Limited *(Đ/c: North road, Queenborough, Kent, ME11 5EL - United Kingdom)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
6	Klacid 250mg	Clarithromycin 250mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên, hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-20360-17

3.2 Nhà sản xuất: Laboratorio Franco Colombiano Lafrancol S.A.S *(Đ/c: Carrera 1#46-84, santiago de cali, Valle Del Cauca - Colombia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
7	Lifanaf	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat) 50mg	Viên nén nhai	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 1 viên	VN-20361-17

3.3 Nhà sản xuất: Laboratorio Internacional Argentino S.A *(Đ/c: Tabare 1641 C.A.B.A - Argentina)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
8	Cefpin	Cefepim (dưới dạng Cefepim hydroclorid) 1g	Thuốc bột pha dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ; Hộp 25 lọ	VN-20362-17

4. Công ty đăng ký: AbbVie Inc. *(Đ/c: 1 North Waukegan Road, North Chicago, IL 60064 - USA)*

4.1 Nhà sản xuất: Curida AS *(Đ/c: Solbaervegen 5, NO-2409 Elevarum - Norway)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
9	Chirocaine (đóng gói: Abbvie S.R.L, địa chỉ : S.R.148 Pontina km 52, SNC. 04011 Campoverde Di Aprilia (LT) - Italy)	Mỗi 10ml dung dịch chứa: Levobupivacaine (dưới dạng Levobupivacaine Hydrochloride) 5mg	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 ống x 10 ml	VN-20363-17

5. Công ty đăng ký: Actavis International Ltd *(Đ/c: BLB 016 Bulebel Industrial Estate, Zejtun ZTN 3000 - Malta)*

5.1 Nhà sản xuất: Actavis Italy S.p.A. *(Đ/c: Via Pasteur, 10 20014, Nerviano, (MI) - Italy)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
10	Irinotesin 20mg/ml	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Irinotecan hydroclorid trihydrat 20mg	Dung dịch tiêm truyền	36 tháng	NSX	Hộp 1 ống 5ml, hộp 1 ống 2ml	VN-20364-17

5.2 Nhà sản xuất: Actavis Ltd. *(Đ/c: BLB016 Bulebel Industrial Estate Zejtun ZTN 3000 - Malta)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
11	Bloktiene 5 mg	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 5mg	Viên nén nhai	36 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-20365-17

5.3 Nhà sản xuất: Balkanpharma - Razgrad AD *(Đ/c: 68, Aprilsko Vastanie Blvd., 7200 Razgrad - Bulgaria)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
12	Tobrin 0.3%	Mỗi 1 ml chứa: Tobramycin 3mg	Dung dịch nhỏ tai	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ x 5 ml	VN-20366-17

5.4 Nhà sản xuất: S.C. Sindan-Pharma S.R.L. *(Đ/c: 11th Ion Mihalache blvd., Sector 1, Zip code 011171, Bucharest - Rumani)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
13	Lezra 2,5mg	Letrozole 2,5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20367-17

6. Công ty đăng ký: Ajanta Pharma Limited. *(Đ/c: Ajanta House, 98, Govt. Industrial Area, Charkop, Kandivli (W),Mumbai, 400 067 - India)*

6.1 Nhà sản xuất: Ajanta Pharma Limited *(Đ/c: Plot No.B-4/5/6 M.I.D.C, Paithan, Aurangabad 431 128 Maharashtra State - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
14	Aderan 16	Candesartan cilexetil 16mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20368-17

7. Công ty đăng ký: Akums Drugs & Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 304, Mohan Place, L.S.C., Block "C", Saraswati Vihar, New Delhi - 110034 - India)*

7.1 Nhà sản xuất: Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 19,20,21 Sector-6A, I.I.E., Sidcul, Ranipur, Haridwar - 249403 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
15	Respiwel 1	Risperidon 1mg	Viên nén	24 tháng	USP 37	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20369-17
16	Respiwel 2	Risperidon 2mg	Viên nén	24 tháng	USP 37	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20370-17
17	Respiwel 3	Risperidon 3mg	Viên nén	24 tháng	USP 37	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20371-17
18	Respiwel 4	Risperidon 4mg	Viên nén	24 tháng	USP 37	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20372-17

8. Công ty đăng ký: Allergan Singapore Pte. Ltd *(Đ/c: 8 Marina Boulevard #05-02, Marina Bay Financial Centre - Singapore)*

8.1 Nhà sản xuất: Allergan Pharmaceuticals Ireland *(Đ/c: Castlebar Road, Westport, County Mayo - Ireland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
19	Combigan	Brimonidin tartrat 2mg/ml; Timolol (dưới dạngTimolol	Dung dịch nhỏ mắt	21 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20373-17

		maleat) 5mg/ml					

8.2 Nhà sản xuất: Allergan Sales, LLC *(Đ/c: Waco, TX 76712 - USA)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
20	Optive Advanced UD	Mỗi 0,4ml dung dịch chứa: Carboxymethylcellulose natri 2mg; Glycerin 4mg; polysorbate 80 2mg	Dung dịch nhỏ mắt	15 tháng	NSX	Hộp 5 ống x 0,4ml; hộp 30 ống x 0,4ml	VN-20374-17

9. Công ty đăng ký: APC Pharmaceuticals & Chemical Limited *(Đ/c: 19/F, Chung Hing Commercial BLDG. 62-63 Connaught Road Central, Central - Hong Kong)*

9.1 Nhà sản xuất: Amanta Healthcare Limited. *(Đ/c: 876, NH No. 8, Vill. Hariyala, Tal. Matar, Dist. Kheda-387411, Gujarat - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
21	Sodium Chloride Injection BP (0.9% W/V)	Mỗi ống 10ml chứa: Natri clorid 0,09g	Dung dịch tiêm	36 tháng	BP 2016	Hộp 50 ống x 10ml	VN-20375-17

9.2 Nhà sản xuất: Atra Pharmaceuticals Limited *(Đ/c: Plot No. H19, MIDC Area, Waluj, Aurangabad 431133, Maharashtra State - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
22	Tenifo	Tenofovir disoproxil fumarat 300mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-20376-17

9.3 Nhà sản xuất: Kusum Healthcare Private Limited *(Đ/c: SP-289 (A), RIICO Industrial Area Chopanki (Bhiwadi) Distt - Alwar - Rajasthan - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
23	Oxetine tablets 30mg	Dapoxetin (dưới dạng Dapoxetin HCl) 30mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ 1 viên, Hộp 1 vỉ 4 viên	VN-20377-17

24	Oxetine tablets 60mg	Dapoxetine (dưới dạng Dapoxetine HCl) 60mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ 1 viên, Hộp 1 vỉ 4 viên	VN-20378-17

10. Công ty đăng ký: AstraZeneca Singapore Pte., Ltd. *(Đ/c: 8 Wilkie Road, #06-01 Wilkie Edge, Singapore 228095 - Singapore)*

10.1 Nhà sản xuất: AstraZeneca AB *(Đ/c: SE-151 85 Sodertalje - Sweden)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
25	Symbicort Turbuhaler	Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg	Thuốc bột để hít	24 tháng	NSX	Hộp 1 ống hít 60 liều, 120 liều	VN-20379-17

11. Công ty đăng ký: Aurobindo Pharma Limited *(Đ/c: Plot No. 2, Maitrivihar, Ameerpet, Hyderabad - 500 038, Andhra Pradesh - India)*

11.1 Nhà sản xuất: Aurobindo Pharma Limited *(Đ/c: Unit III, Survey No 313 & 314, Bachupally Village, Quthubullapur Mandal, Ranga Reddy District, Telangana State - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
26	Viên nén Lamivudin 150 mg và Zidovudin 300 mg	Lamivudin 150mg; Zidovudin 300mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ x 60 viên	VN-20380-17

12. Công ty đăng ký: Avrentim Sp. Z O.o. *(Đ/c: 194/362 Grójecka str., Mazowieckie 02-390 Warszawa - Poland)*

12.1 Nhà sản xuất: Genepharm S.A. *(Đ/c: 18th km. Marathonos Ave, Pallini Attiki, 15351 - Greece)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
27	Montesin 10mg	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 10mg	Viên nén nhai	24 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-20381-17
28	Montesin 4mg	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 4mg	Viên nén nhai	24 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-20382-17
29	Montesin 5mg	Montelukast (dưới	Viên nén	24	NSX	Hộp 4 vỉ x 7	VN-20383-17

		dạng Montelukast natri) 5mg	nhai	tháng		viên	

13. Công ty đăng ký: B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd. *(Đ/c: Bayan Lepas Free Industrial Zone, P.O. Box 880, 10810 Penang - Malaysia)*

13.1 Nhà sản xuất: B.Braun Melsungen AG *(Đ/c: Mistelweg 2, 12357 Berlin - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
30	Calcium Gluconat 10% w/v Injections	Calcium gluconat monohydrat 940mg/10ml	Dung dịch tiêm	18 tháng	NSX	Hộp 20 ống plastic 10ml	VN-20384-17

14. Công ty đăng ký: Bayer (South East Asia) Pte., Ltd. *(Đ/c: 63 Chulia Street # 14-00, Singapore (049514) - Singapore)*

14.1 Nhà sản xuất: Bayer Pharma AG *(Đ/c: D-51368 Leverkusen - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
31	Adalat LA 30mg	Nifedipin 30mg	Viên nén phóng thích kéo dài	48 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20385-17
32	Adalat LA 60mg	Nifedipin 60mg	Viên phóng thích kéo dài	48 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20386-17
33	Adalat retard	Nifedipin 20mg	Viên nén bao phim tác dụng chậm	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20387-17

14.2 Nhà sản xuất: Bayer Weimar GmbH & Co. KG *(Đ/c: Dobereinerstrasse 20, 99427 Weimar - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
34	Yasmin	Drospirenon 3,0mg; Ethinylestradiol 0,03mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ 21 viên	VN-20388-17

14.3 Nhà sản xuất: Catalent Germany Eberbach GmbH *(Đ/c: Gammelsbacher Str.2, 69412 Eberbach - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
35	Adalat 10mg (Đóng gói và xuất xưởng: Bayer Pharma AG; Đ/c: D-51368 Leverkusen, Germany)	Nifedipin 10mg	Viên nang mềm	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20389-17

14.4 Nhà sản xuất: PT Bayer Indonesia *(Đ/c: JL Raya Bogor Km32, Depok 16416 - Indonesia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
36	Redoxon Double Action	Vitamin C 1000mg; Kẽm (dưới dạng Kẽm citrat trihydrat) 10mg	Viên nén sủi bọt	36 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 10 viên	VN-20390-17

15. Công ty đăng ký: Beijing Double- Crane Pharmaceutical Business Co., Ltd *(Đ/c: Room 802, 803, 18 Beitaipingzhuang road, Haidian District., Beijing - China)*

15.1 Nhà sản xuất: Hubei Merryclin Pharmaceuticals Co., Ltd *(Đ/c: Factory South Yunmeng Economic Development Zone, Hubei, - China)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
37	Vicomplex	Mỗi chai 500ml chứa: Thiamin HCl 125mg; Riboflavin 25mg; D-panthenol 250mg; Acid ascorbic 500mg; Nicotinamid 625mg; Pyridoxin HCl 25mg; Dextrose monohydrat 25g	Dung dịch tiêm truyền	36 tháng	NSX	Chai 500ml	VN-20391-17

16. Công ty đăng ký: Bluepharma- Indústria Farmacêutical, S.A. *(Đ/c: Rua Bayer 16, 3045-016 Sao Martinho do Bispo-Coimbra - Portugal)*

16.1 Nhà sản xuất: Bluepharma Genericos-Comercio De Medicamenos, S.A. *(Đ/c: São Martinho do Bispo, 3045-016 Coimbra, - Portugal)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
38	Candesartan BluePharma	Candesartan cilexetil 8mg	Viên nén	30 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên, hộp 4 vỉ x 14 viên, hộp 5 vỉ x 14 viên	VN-20392-17

16.2 Nhà sản xuất: Bluepharma- Indústria Farmacêutical, S.A. *(Đ/c: São Martinho do Bispo, 3045-016 Coimbra, - Portugal)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
39	Bluecose	Acarbose 100mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 7 viên	VN-20393-17

17. Công ty đăng ký: Boehringer Ingelheim International GmbH *(Đ/c: Binger Strasse 173, 55216 Ingelheim am Rhein - Germany)*

17.1 Nhà sản xuất: Delpharm Reims *(Đ/c: 10 rue Colonel Charbonneaux, 51100 Reims - France)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
40	Dulcolax	Bisacodyl 5mg	Viên bao đường tan trong ruột	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 20 viên; hộp 1 vỉ x 10 viên; hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-20394-17

18. Công ty đăng ký: Cadila Healthcare Ltd. *(Đ/c: Zydus Tower. Satellite Cross Road, Ahmedabad 380 015 - India)*

18.1 Nhà sản xuất: Cadila Healthcare Limited *(Đ/c: Plot No. 417, 419, 420, Sarkhej Bavla National High way No. 8A, Village- Moraiya, Tal- Sanand, Dist: Ahmedabad, 382 210 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
41	Flutiflow 120	Fluticason propionat 0,5mg/g tương đương 50mcg/ liều xịt	Hỗn dịch xịt mũi	24 tháng	BP2016	Hộp 1 bình xịt 12g tương đương 120 liều xịt	VN-20395-17
42	Flutiflow 60	Fluticason propionat 0,5mg/g tương đương	Hỗn dịch xịt mũi	24 tháng	BP2016	Hộp 1 bình xịt 6g tương đương 60 liều	VN-20396-17

		50mcg/ liều xịt				xịt	

18.2 Nhà sản xuất: Cadila Healthcare Ltd. *(Đ/c: Kundaim Industrial Estate, Plot 203- 213, Kundaim, Goa 403 115 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
43	Happi 20	Rabeprazol natri 20mg	Viên nén bao tan trong ruột	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20397-17
44	Neoloridin	Desloratadin 5mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20398-17

19. Công ty đăng ký: Cadila Pharmaceuticals Limited *(Đ/c: Sarkhej Dholka Road, Bhat - Ahmedabad, 382210, Gujarat - India)*

19.1 Nhà sản xuất: Cadila Pharmaceuticals Limited *(Đ/c: 1389, Trasad Road, Dholka- 382225, Distric: Ahmedabad, Gujarat State - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
45	Aciloc	Ranitidin (dưới dạng Ranitidin HCl) 50mg/ 2ml	Dung dịch tiêm	24 tháng	USP37	Hộp 1 vỉ x 5 ống 2ml	VN-20399-17

20. Công ty đăng ký: Celltrion pharm, Inc *(Đ/c: 17F, Dacom B/D, 306, Teheran-Ro, Gangnam-gu, Seoul - Korea)*

20.1 Nhà sản xuất: Qilu Pharmaceutical Co., Ltd *(Đ/c: No. 317, Xinluo Road, High-tech Zone, Jinan, Shandong Province, CN-250101 - China)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
46	Qiluxone	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri) 2,0g	Bột pha tiêm	24 tháng	USP38	Hộp 10 lọ	VN-20400-17

21. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần BGP Pharma *(Đ/c: 32/37 Ông ích Khiêm, Phường 14, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

21.1 Nhà sản xuất: Korea Arlico Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 21, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do.- Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
47	Interginko tablet 120mg	Cao khô lá Bạch quả (tương đương Ginkgo flavon glycosid 28,8mg) 120mg;	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20401-17

22. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược MK Việt Nam *(Đ/c: G17 ngõ 28 Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Hà Nội - Việt Nam)*

22.1 Nhà sản xuất: S.C. Antibiotice S.A. *(Đ/c: Str. Valea Lupului nr. 1, Iasi, Jud. Iasi, cod 707410, - Romani)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
48	Omeusa	Oxacillin (dưới dạng Oxacillin natri monohydrat) 1000mg	Bột pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 50 lọ	VN-20402-17

23. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Nam Thiên Phúc *(Đ/c: Số nhà 64 ngõ Yết Kiêu, Phố Yết Kiêu, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - Việt Nam)*

23.1 Nhà sản xuất: LTD Farmaprim *(Đ/c: 5 Crinilor street, Village Porumbeni, Criuleni reg., MD-4829 - Moldova)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
49	Bieber	Bisacodyl 10mg	Viên đạn đặt trực tràng	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 5 viên	VN-20403-17

24. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Duy Tân *(Đ/c: 22 Hồ Biểu Chánh, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

24.1 Nhà sản xuất: Klonal S.R.L *(Đ/c: Lamadrid 802, Quilmes, Province of Buenos Aires - Argentina)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
50	Tesam	Piperacillin (dưới dạng Piperacillin natri) 4g; Tazobactam (dưới	Bột đông khô pha tiêm	36 tháng	USP38	Hộp 1 lọ, 20 lọ, 42 lọ	VN-20404-17

		dạng Tazobactam natri) 0,5g					

25. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Green *(Đ/c: Số 26, Tổ 30A, KĐT Đồng Tàu, Thịnh Liệt , Hoàng Mai, Hà Nội - Việt Nam)*

25.1 Nhà sản xuất: Sinochem Ningbo Limited Branch Jiangsu Ruinian Qianjin Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: Chuanbu village, Yixing Economic Development Zone, Jiangsu Province - China)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
51	Piracetam injection 1g/5ml	Piracetam 1g/5ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 ống x 5ml	VN-20405-17

26. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa *(Đ/c: 74 đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa - Việt Nam)*

26.1 Nhà sản xuất: Saga Laboratories *(Đ/c: Survey No. 198/2 & 198/3, Chachrawadi Vasna, Ta-Sanand, District: Ahmedabad 382210 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
52	Omsergy	Omeprazol (dạng vi hạt bao tan trong ruột Omeprazole 7,5%) 20 mg	Viên nang cứng	24 tháng	BP 2015	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20406-17

27. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Quận 3 *(Đ/c: 243 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

27.1 Nhà sản xuất: M/S Stallion Laboratories Pvt. Ltd *(Đ/c: C1B, 305, 2&3 GIDC, Kerala (Bavla) Dist. Ahmedabad (Gujarat) - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
53	Yolab	Gemfibrozil 600mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 39	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20407-17

28. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Vipharco *(Đ/c: Số 67, ngõ 68, đường Ngọc Thụy, phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Hà Nội - Việt Nam)*

28.1 Nhà sản xuất: Anfarm hellas S.A *(Đ/c: 53-57, Perikleous str., Gerakas 15344, Athens - Greece)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
54	Meropenem/Anfarm	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat) 1g	Bột pha tiêm truyền	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	VN-20408-17
55	Meropenem/Anfarm	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat) 500mg	Bột pha tiêm truyền	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	VN-20409-17

28.2 Nhà sản xuất: Anfarm Hellas S.A. *(Đ/c: Sximatari Viotias, 32009 - Greece)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
56	Maxilin	Clarithromycin 500mg	Bột pha tiêm truyền	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	VN-20410-17
57	Ozarium	Losartan kali 100mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20411-17
58	Vizimtex	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 500mg	Bột pha tiêm truyền	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ	VN-20412-17

28.3 Nhà sản xuất: Ronak Biopharmaceutical Co. *(Đ/c: Kargar Blvd., Azadegan 2 Ave., Azadegan Blvd, Kaveh Indusstrial City, Saveh - Iran)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
59	Desfonak	Deferoxamine mesylate 500mg	Bột đông khô pha tiêm	24 tháng	USP39	Hộp 10 lọ	VN-20413-17

29. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược và thiết bị y tế Việt Nam - VINAP *(Đ/c: Số 104-B12B, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Hà Nội - Việt Nam)*

29.1 Nhà sản xuất: Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 19-21 Sector - 6A, I.I.E., Sidcul, Ranipur, Haridwar-249403 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
60	Alivher	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat) 25mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-20414-17

30. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar *(Đ/c: Khu vực 8, Phường Nhơn Phú, TP. Qui Nhơn, tỉnh Bình Định - Việt Nam)*

30.1 Nhà sản xuất: Facta Farmaceutici S.p.A *(Đ/c: Nucleo Industriale S. Atto, S. Nicolo a Tordino, 64100 Teramo (TE) - Italy)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
61	Meropenem Kabi 1g	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat) 1g	Bột pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	NSX	Hộp 10 lọ	VN-20415-17

30.2 Nhà sản xuất: Fresenius Kabi Manufacturing S.A. (Pty) Limited *(Đ/c: 6 Gibaud Road, 6001 Korsten, Port Elizabeth - South Africa)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
62	Cisatracurium Kabi 2mg/ml	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Cisatracurium (dưới dạng Cisatracurium besylat) 2mg	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 5 ống x 2,5ml, hộp 10 ống x 5ml	VN-20416-17

30.3 Nhà sản xuất: Fresenius Kabi Oncology Ltd *(Đ/c: Village Kishanpura,Baddi, Tehsil Nalagarh, District Solan, Himachal Pradesh, IN-174101 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
63	Oxitan 50mg/10ml	Mỗi 10ml dung dịch chứa: Oxaliplatin 50mg	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 10ml	VN-20417-17

30.4 Nhà sản xuất: Labesfal- Laboratórios Almiro, S.A. *(Đ/c: Zona Industrial do Lagedo, 3465-157 Santiago de Besteiros - Portugal)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
64	Ceftazidime Kabi 1g (SX bán thành phẩm: Hanmi Fine Chemical	Ceftazidim (dưới dạng bột hỗn hợp vô khuẩn	Bột pha dung dịch tiêm	36 tháng	EP 8.0	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	VN-20418-17

	Co., Ltd; địa chỉ: Plant A and B 59, Gyeongje-ro, Siheung-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc)	Ceftazidim pentahydrat và natri carbonat) 1g					

31. Công ty đăng ký: Công ty Cổ phần Hoàng Nam *(Đ/c: 65/15 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

31.1 Nhà sản xuất: Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 19,20,21 Sector-6A, I.I.E., Sidcul, Ranipur, Haridwar - 249403 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
65	Olavex 10	Olanzapin 10mg	Viên nén	36 tháng	USP 38	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20419-17

32. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần tập đoàn Merap *(Đ/c: Thôn Bá Khê, Tân Tiến, Văn Giang, Hưng Yên - Việt Nam)*

32.1 Nhà sản xuất: Young Poong Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 333, Hambakmoe-Ro, Namdong-Ku, Incheon City - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
66	Stomex	Omeprazol (Dạng vi hạt bao tan trong ruột) 20mg	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 8 viên	VN-20420-17

33. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần thiết bị T&T *(Đ/c: Lô 13, khu tập thể công ty Công nghệ phẩm, phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Hà Nội - Việt Nam)*

33.1 Nhà sản xuất: Bharat Parenterals Ltd. *(Đ/c: Survey No. 144 & 146, Jarod Samlaya Road., Tal-Savli, City: Haripura., Dist: Vadodara - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
67	Tobramycin Ophthalmic Solution USP	Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat) 15mg/ 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	24 tháng	USP38	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20421-17

33.2 Nhà sản xuất: Gracure Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: E-1105 RIICO Industrial Area, Phase III, Bhiwadi, Alwar. (Rajasthan.) - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
68	Desbebe	Desloratadin 30mg/60ml	Si rô	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 60ml	VN-20422-17
69	Temptcure-100	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat) 100mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 4 viên	VN-20423-17
70	Temptcure-50	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat) 50mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 4 viên	VN-20424-17

34. Công ty đăng ký: Công ty CP dược phẩm Pha No *(Đ/c: 31 Hồ Biểu Chánh, P.12, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

34.1 Nhà sản xuất: Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A *(Đ/c: Rua da Tapada Grande, 2 2710-089 Sintra - Portugal)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
71	Lisbosartan 300mg	Irbesartan 300mg	Viên nén bao phim	24 tháng	EP 8.0	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-20425-17

34.2 Nhà sản xuất: Atlantic Pharma- Producoes Farmaceuticas S.A. *(Đ/c: Zona Industrial da Abrunheira, Rua da Tapada Grande, No.2, 2710-089 Sintra - Portugal)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
72	Belioste	Acid Alendronic (dưới dạng Alendronat natri trihydrat) 70mg	Viên nén bao phim	36 tháng	EP 8.0	Hộp 1 vỉ x 4 viên	VN-20426-17

34.3 Nhà sản xuất: Kern Pharma S.L. *(Đ/c: Venus, 72-Poligono Industrial Colon II 08228 Tarrasa (Barcelona) - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
73	Carminal 40mg	Telmisartan 40mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20427-17

74	Carminal 80mg	Telmisartan 80mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20428-17

34.4 Nhà sản xuất: Laboratorios Normon, S.A. *(Đ/c: Ronda de Valdecarrizo, 6-28760 Tres cantos (Madrid) - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
75	Ondansevit 8mg/4ml	Mỗi 4ml dung dịch chứa: Ondansetron (dưới dạng Ondansetron hydrochlorid dihydrat) 8mg	Dung dịch tiêm truyền	36 tháng	NSX	Hộp 50 ống x 4 ml	VN-20429-17

35. Công ty đăng ký: Công ty CPDP Ta Da *(Đ/c: 44A ĐInh Công Tráng, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

35.1 Nhà sản xuất: Laboratorios Lesvi, S.L. *(Đ/c: Avda. Barcelona 69 08970 Sant Joan Despi, Barcelona - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
76	Levistel 40	Telmisartan 40mg	Viên nén	30 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-20430-17
77	Levistel 80	Telmisartan 80mg	Viên nén	30 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-20431-17

36. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Bình Việt Đức *(Đ/c: 62/36 Trương Công Định, P. 14, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

36.1 Nhà sản xuất: Hameln Pharmaceuticals GmbH *(Đ/c: Langes Feld 13, 31789 Hameln - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
78	Paciflam	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl) 5mg/5ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 ống 5ml	VN-20432-17

37. Công ty đăng ký: Công ty TNHH DKSH Việt Nam *(Đ/c: Số 23 Đại lộ Độc Lập, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)*

37.1 Nhà sản xuất: Tolmar Inc. *(Đ/c: 701 Centre Avenue, Ft. Collins, CO 80526 - USA)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
79	Eligard 22.5mg (Đóng gói thứ cấp+Xuất xưởng: Astellas Pharma Europe B.V; địa chỉ: Hogemaat 2 7942 JG Meppel, Hà Lan)	Leuprorelin acetate (tương đương 20,87mg Leuprorelin) 22,5mg	Bột pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 khay chứa ống bột pha tiêm và 1 kim tiêm vô khuẩn+ 1 khay chứa ống dung môi	VN-20433-17
80	Eligard 7.5mg (Đóng gói thứ cấp+Xuất xưởng: Astellas Pharma Europe B.V; địa chỉ: Hogemaat 2 7942 JG Meppel, Hà Lan)	Leuprorelin acetate (tương đương 6,96mg Leuprorelin) 7,5mg	Bột pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 khay chứa ống bột pha tiêm và 1 kim tiêm vô khuẩn+ 1 khay chứa ống dung môi	VN-20434-17

38. Công ty đăng ký: Công ty TNHH DP Châu Á - Thái Bình Dương *(Đ/c: Số 113 đường Y Ngông, Phường Tân Thành, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đăk Lăk - Việt Nam)*

38.1 Nhà sản xuất: Shijiazhuang No. 4 Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: Yangzi Road, Shijiazhuang Economic & Technological Development zone, Hebei - China)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
81	Glucose injection 5%	Glucose 5g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	36 tháng	BP 2015	Chai nhựa 500ml	VN-20435-17

39. Công ty đăng ký: Công ty TNHH DP Việt pháp *(Đ/c: 11B phố Hoa Bằng. P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội - Việt nam)*

39.1 Nhà sản xuất: Alembic Pharmaceuticals Limited *(Đ/c: Panelav, Tal-Halol, Dist. Panchmahal - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
82	Telmotens Plus	Telmisartan 40mg; Hydrochlorothiazid 12,5mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20436-17

40. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Bách Việt *(Đ/c: Số 146, ngõ 230 Định Công Thượng, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, Hà Nội - Việt Nam)*

40.1 Nhà sản xuất: Oncotec Pharma Produktion GmbH *(Đ/c: Am Pharmapark, 06861, Dessau, Roßlau - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
83	Oxaliplatin Medac (Cơ sở đóng gói: Medac Gesellschaft fur Klinische Spezialpraparate mbH, đ/c: Theaterstrasse 6, 22880 Wedel, Germany)	Mỗi lọ chứa: Oxaliplatin 50mg	Thuốc bột đông khô pha tiêm	48 tháng	EP8.0	Hộp 1 lọ	VN-20437-17

40.2 Nhà sản xuất: Rafarm S.A. *(Đ/c: Thesi Pousi-Hatzi Agiou Louka, Paiania Attiki 19002, 37 - Greece)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
84	Xylocream	Mỗi 1g kem chứa: Lidocain 25mg; Prilocain 25mg	Kem bôi	36 tháng	NSX	Hộp 5 tuýp x 5g	VN-20438-17

41. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm DO HA *(Đ/c: Số 30, Tập thể Trần Phú, ngõ 105, đường Nguyễn Phong Sắc, tổ 16, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội - Việt Nam)*

41.1 Nhà sản xuất: Drogsan Ilaclari San. ve Tic. A.S. *(Đ/c: Esenboga Merkez Mah. Cubuk Cad. No: 31, Cubuk - Ankara - Turkey)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
85	Apimdo	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri sesquihydrat) 40mg	Viên nén bao tan trong ruột	24 tháng	USP 38	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-20439-17

41.2 Nhà sản xuất: Instituto Biologico Contemporaneo S.A. *(Đ/c: Chivilcoy 304 and Bogota 3921/25, Autonomous city of Buenos Aires - Argentina)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
86	Mactray	Mỗi 4ml dung dịch	Dung dịch	24	NSX	Hộp 1 ống 4	VN-20440-17

		tiêm chứa: Clindamycin (dưới dạng Clindamycin phosphat) 600mg	tiêm	tháng		ml	

41.3 Nhà sản xuất: OU Vitale-XD (nơi sản xuất Vitale Pringi) *(Đ/c: Vanapere tee 3, Pringi Viimsi, 74011 Harju County - Estonia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
87	Abbsin 200	Acetylcystein 200mg	Viên nén sủi bọt	24 tháng	NSX	Hộp 1 ống 20 viên	VN-20441-17
88	Abbsin 600	Acetylcystein 600mg	Viên nén sủi bọt	24 tháng	NSX	Hộp 1 ống 20 viên	VN-20442-17

42. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Dược *(Đ/c: 120/2G Đường Bình Thới, Phường 14, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

42.1 Nhà sản xuất: Rafarm S.A. *(Đ/c: Thesi Pousi-Hatzi Agiou Louka, Paiania Attiki 19002, P.O. Box 37 - Greece)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
89	Arthroloc	Mỗi gói chứa: Glucosamin sulfat (dưới dạng Glucosamin sulfat natri clorid tương đương với glucosamin base 1177,8mg) 1500mg	Bột pha dung dịch uống	36 tháng	NSX	Hộp 30 gói	VN-20443-17

43. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Hồng Hà *(Đ/c: 2/36A Cao Thắng, P.5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

43.1 Nhà sản xuất: Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 19,20,21 Sector-6A, I.I.E., Sidcul, Ranipur, Haridwar - 249403 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
90	Rovex 20	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 20mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20444-17

44. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Huy Cường *(Đ/c: 37 Trần Nhật Duật, P. Tân Định, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

44.1 Nhà sản xuất: LDP Laboratorios Torlan SA *(Đ/c: Ctra. de Barcelona 135-B 08290 Cerdanyola del Vallès Barcelona. - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
91	Cefoxitin Gerda 1G	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri) 1g	Bột pha dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 10 lọ	VN-20445-17
92	Cefoxitin Gerda 2G	Cefoxitin (dưới dạng Cefoxitin natri) 2g	Bột pha dung dịch tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 10 lọ	VN-20446-17

45. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Liên Hợp *(Đ/c: 480C Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM - Việt Nam)*

45.1 Nhà sản xuất: Replek Farm Ltd. Skopje *(Đ/c: 188 Kozle str., 1000 Skopje - Macedonia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
93	Asbesone	Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat) 0,5 mg/1g	Kem bôi ngoài da	24 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 30g	VN-20447-17

45.2 Nhà sản xuất: Sigma-Tau Industrie Farmaceutiche Riunite S.P.A *(Đ/c: Via Pontina Km 30, 400-00040 Pomezia (RM) - Italy)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
94	Eurartesim 160/20	Piperaquine tetraphosphate 160mg; Dihydroartemisinin 20mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 3 viên	VN-20448-17
95	Eurartesim 320/40	Piperaquine tetraphosphate 320mg; Dihydroartemisinin 40mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 3 viên	VN-20449-17

46. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Minh Tiến *(Đ/c: Số 21, ngõ 27, phố Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội - Việt Nam)*

46.1 Nhà sản xuất: Biofarm Sp. zo.o *(Đ/c: ul. Walbrzyska 13, 60-198 Pozan - Poland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
96	Rosutrox	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calcium) 10mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-20450-17
97	Rosutrox	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calcium) 20mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-20451-17

47. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Nam Hân *(Đ/c: Phòng 201, Lầu 2, Tòa nhà City View, số 12 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

47.1 Nhà sản xuất: JS Pharm . Co., Ltd *(Đ/c: 484-28, Gangbyeon-ro, Hwangnyong-myeon, Jangseong-gun, Jeollanam-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
98	Hỗn dịch Zantagel	Mỗi 10 ml hỗn dịch chứa: Oxethazain 20mg; Gel khô nhôm hydroxyd (tương đương 291mg nhôm oxyd) 582mg; Magnesi hydroxyd 196mg	Hỗn dịch uống	36 tháng	NSX	Hộp 20 gói x 10ml	VN-20452-17

47.2 Nhà sản xuất: KMS Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 236, Sinwon-ro, Yeongtong-gu, Suwon-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
99	Beratan	Irbesartan 150mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Chai 100 viên	VN-20453-17

48. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Ngọc Châu *(Đ/c: 48/3A Hồ Biểu Chánh, P11, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

48.1 Nhà sản xuất: Schnell Biopharmaceuticals, Inc *(Đ/c: 16, Dumeori-gil, Yanggang-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
100	Anzela Cream	Azelaic acid 2000mg/10g	Kem bôi da	36 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 10g	VN-20454-17

49. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh *(Đ/c: 122/7-9 Đặng Văn Ngữ, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

49.1 Nhà sản xuất: Kern Pharma S.L. *(Đ/c: Venus, 72-Poligono Industrial Colon II 08228 Tarrasa (Barcelona) - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
101	Candesarkern 16mg Tablet	Candesartan cilexetil 16mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20455-17
102	Candesarkern 8mg Tablet	Candesartan cilexetil 8mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20456-17

50. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm Phú Sơn *(Đ/c: 190 đường số 11, Khu dân cư Bình Phú, phường 11, Quận 6, Tp HCM - Việt Nam)*

50.1 Nhà sản xuất: Axon Drugs Pvt Ltd. *(Đ/c: 148/12B, Chennai - Bangalore Highway, Chembarambakkam, 602 103, Tamilnadu - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
103	Olenor-40	Olmesartan medoxomil 40mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20457-17

51. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Rồng Vàng *(Đ/c: Phòng 4A, tầng 4, tòa nhà Sông Đà 1, ngõ 165 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội - Việt Nam)*

51.1 Nhà sản xuất: Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 19,20,21 Sector-6A, I.I.E., Sidcul, Ranipur, Haridwar - 249403 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
104	Enorgapan	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri) 40mg	Viên nén bao tan trong ruột	24 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20458-17

52. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Tiền Giang *(Đ/c: 23 đường số 9, Khu dân cư Nam Long, P. Tân Thuận Đông, Q.7, TP. Hồ Chí Minh - Viêt Nam)*

52.1 Nhà sản xuất: Kwality Pharmaceutical PVT. Ltd. *(Đ/c: Nag Kalan, Majitha Road, Amritsar, Punjab - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
105	Sertil 100	Sertralin (dưới dạng Sertralin hydrochlorid) 100 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP38	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20459-17

53. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm và Thiết bị Y tế Phương Lê *(Đ/c: Lô D3/D6 khu đô thị mới Cầu Giấy, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội - Việt Nam)*

53.1 Nhà sản xuất: Square Pharmaceuticals Ltd *(Đ/c: Square Road, Salgaria, Pabna. - Bangladesh)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
106	Pantobone 40	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri sesquihydrat) 40 mg	Viên nén bao tan trong ruột	24 tháng	NSX	Hộp 3vỉ x 10viên	VN-20460-17
107	Triglo	Fenofibrat 200mg	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20461-17

54. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Việt Lâm *(Đ/c: Tổ 16 Lâm Du,Phường Bồ Đề, Q. Long Biên, Hà Nội - Việt Nam)*

54.1 Nhà sản xuất: Pharmazeutische Fabrik Montavit GesmbH *(Đ/c: Salzberg strasse 96 AT - 6067 Absam - Austria)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
108	Cynarix-Dragees	Cao khô lá Actiso 4-6:1 55mg	Viên nén bao đường	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ x 12 viên	VN-20462-17

55. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược Song Sáng *(Đ/c: 68 Lê Văn Lương, P. Tân Hưng, Q.7, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

55.1 Nhà sản xuất: Leopard Medical Brand Co., Ltd. *(Đ/c: 19/5 Moo 1, Petchkasem Road, Thaphaya, Nakornchaisri, Nakornphathom, 73120 - Thailand)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
109	LeoPovidone	Povidon- iod 10% (kl/tt) tương đương iod tự do 1% (kl/tt)	Dung dịch dùng ngoài	60 tháng	NSX	Chai nhựa HDPE 15ml, 30ml, 180ml, 450ml	VN-20463-17

56. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược Tâm Đan *(Đ/c: 1333 đường 31B, Khu phố An Phú - An Khánh, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

56.1 Nhà sản xuất: Laboratorio Farmaceutico C.T.s.r.l. *(Đ/c: Via Dante Alighieri 71, 18038 Sanremo (IM) - Italia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
110	Ceftriaxone ABC	Ceftriaxone (dưới dạng Ceftriaxone disodium 3,5H2O) 1g	Bột pha tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ +1 ống dung môi lidocain 35mg/3,5ml	VN-20464-17

56.2 Nhà sản xuất: Laboratorios Lesvi, S.L. *(Đ/c: Avda. Barcelona 69 08970 Sant Joan Despi, Barcelona - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
111	Liprilex Plus	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat) 20mg; Hydrochlorothiazide 12,5mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20465-17
112	Lortalesvi	Loratadine 10mg	Viên nén bao phim	60 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 25 viên	VN-20466-17

56.3 Nhà sản xuất: Vianex S.A- Plant D' *(Đ/c: Industrial Area Patron, Agios Stefanos, Patra, Axaia, 25018 - Greece)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
113	Septax	Ceftazidim (dưới dạng bột hỗn hợp vô khuẩn Ceftazidim pentahydrat và natri	Bột pha dung dịch tiêm / tiêm truyền tĩnh mạch	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20467-17

		carbonat) 1g					

57. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Hóa dược hợp tác *(Đ/c: Lầu 4, số 261-263 Phan Xích Long, phường 2, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

57.1 Nhà sản xuất: Mustafa Nevzat Ilac Sanayii A.S. *(Đ/c: Coban Cesme Mah. Sanayi Caddesi 13 Yenibosna - Istanbul - TR - 34196 - Turkey)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
114	Nenvofam 20mg	Famotidin 20mg	Bột đông khô pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 2 ống bột + 2 ống nước cất pha tiêm 5ml	VN-20468-17

58. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Kiến Việt *(Đ/c: 437/2 đường Lê Đức Thọ, P.16, Q. Gò Vấp, TP. HCM - Việt Nam)*

58.1 Nhà sản xuất: Incepta Pharmaceuticals Limited *(Đ/c: Dewan Idris Road, Zirabo, Savar, Dhaka - Bangladesh)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
115	Incepcom	Mỗi nhát xịt chứa: Fluticasone propionate 50 mcg	Hỗn dịch xịt mũi	36 tháng	BP 2015	Hộp 1 chai chứa 13g hỗn dịch tương đương 120 lần xịt	VN-20469-17

58.2 Nhà sản xuất: M/s Getwell Pharmaceuticals *(Đ/c: 474, Udyog Vihar, Phase V, Gurgaon-122016, Haryana - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
116	Xorunwell 10mg/5ml	Doxorubicin hydrochlorid 10mg/5ml	Dung dịch đậm đặc để pha dịch truyền	24 tháng	USP 37	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20470-17
117	Xorunwell 50mg/25ml	Doxorubicin hydrochlorid 50mg/25ml	Dung dịch đậm đặc để pha dịch truyền	24 tháng	USP 37	Hộp 1 lọ 25ml	VN-20471-17

58.3 Nhà sản xuất: S.C.Arena Group S.A. *(Đ/c: 54 Dunarii Blvd., Valuntari, Ilfov district, 077910 - Romania)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
118	Europlin 25mg	Amitriptylin HCl 25mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-20472-17

59. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Lamda *(Đ/c: 171 Đỗ Quang, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng - Việt nam)*

59.1 Nhà sản xuất: Facta Farmaceutici S.p.A *(Đ/c: Nucleo Industriale S. Atto, S. Nicolo a Tordino, 64020 Teramo - Italy)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
119	Dolisepin	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri) 2g	Bột pha tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 lọ	VN-20473-17

59.2 Nhà sản xuất: Farmalabor Produtos Farmacêuticos, S.A (Fab.) *(Đ/c: Zona Industrial de Condeixa-a-Nova, 3150-194 Condeixa-a-Nova - Portugal)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
120	Goldmycin	Minocyclin (dưới dạng Minocyclin hydroclorid dihydrat) 100mg	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 8 viên	VN-20474-17

60. Công ty đăng ký: Công ty TNHH một thành viên Dược phẩm Trung ương 1 *(Đ/c: 356A Giải phóng, P.Phương Liệt, Q.Thanh Xuân, Hà Nội - Việt Nam)*

60.1 Nhà sản xuất: Pharmathen International SA *(Đ/c: Sapes industrial park, Block 5, Rodopi, GR-69300 - Greece)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
121	Zentocor 40mg	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci) 40mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20475-17
122	Zentocor 80mg	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20476-17

		calci) 80mg					

61. Công ty đăng ký: Công ty TNHH MTV DP Altus *(Đ/c: Số 49, đường 79, P. Tân Quy, Q.7, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

61.1 Nhà sản xuất: Pharmavision San. ve Tic. A.S. *(Đ/c: Davutpasa Cad.No: 145, Topkapi/ Istanbul - Turkey)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
123	Oncecef 1g	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri) 1g	Thuốc bột pha tiêm	24 tháng	EP 8.0	Hộp gồm 1 lọ và 1 ống 10ml nước cất pha tiêm	VN-20477-17

62. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Âu Việt *(Đ/c: P504, CT4B, KĐT Bắc Linh Đàm, P. Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội - Việt Nam)*

62.1 Nhà sản xuất: J.Uriach and Cía., S.A. *(Đ/c: Avda. Camí Reial, 51-57 08184-Palau- Solita i Plegamans (Barcelona), Espana - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
124	Aremed 1mg Film Coated tablets	Anastrozole 1mg	Viên nén bao phim	48 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 28 viên	VN-20478-17

63. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Hoàng Trân *(Đ/c: 106 Đường 10, Bình Thới, Phường 14, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

63.1 Nhà sản xuất: Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd. *(Đ/c: Plot No. 11 & 12, gat No. 1251-1261, Alandi-Markal Road, Markal Khed, Pune 412 105, Maharashtra state - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
125	Lucass sachet	Cefpodoxim (dưới dạng Cefpodoxim proxetil) 100mg	Bột pha hỗn dịch uống	24 tháng	USP 38	Hộp 10 gói	VN-20479-17

64. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Thương mại Thanh Danh *(Đ/c: Phòng 3, tầng 2, toà nhà TAASAH, số 749/14/4 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

64.1 Nhà sản xuất: Karnataka Antibiotics & Pharmaceuticals Limited *(Đ/c: No. 14, II Phase, Peenya Industrial Area, Bengaluru 560 058 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
126	Aronol	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Tramadol hydrochlorid 50mg	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 ống x 1ml	VN-20480-17
127	Arotaz 2GM	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat) 2g	Thuốc bột pha tiêm	36 tháng	USP39	Hộp 1 lọ	VN-20481-17

64.2 Nhà sản xuất: Swiss Pharma Pvt. Ltd. *(Đ/c: 3709, Phase IV, GIDC Vatva, Ahmedabad 382-445 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
128	Sitaz 20	Rabeprazol natri 20 mg	Viên nén bao tan trong ruột	24 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20482-17

65. Công ty đăng ký: Công ty TNHH TM DP Đông Phương *(Đ/c: 119, Đường số 41, Phường Tân Quy, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

65.1 Nhà sản xuất: Medica Korea Co., Ltd. *(Đ/c: 96, Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
129	Pitaterol tablet	Pitavastatin (dưới dạng Pitavastatin calci hydrat) 2mg	Viên nén bao phim	36 tháng	JP XVII	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Lọ 30 viên	VN-20483-17
130	Simvaterol	Simvastatin 20mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 38	Hộp 3 vỉ x 10 viên, lọ 30 viên	VN-20484-17

65.2 Nhà sản xuất: Young Poong Pharma. Co., Ltd. *(Đ/c: 333, Hambangmoe-ro, Namdong-gu, Incheon - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
131	Hoanidol Soft Cap.	Alfacalcidol 0,5mcg	Viên nang mềm	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20485-17
132	Orkan SoftCapsule	Calcitriol 0,25mcg	Viên nang mềm	36 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-20486-17

66. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Y tế Cánh Cửa Việt *(Đ/c: 788/2B Nguyễn Kiệm, P.3, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)*

66.1 Nhà sản xuất: Alpa Laboratories Limited *(Đ/c: 33/2, A.B. Road Pigdamber-453 446, Indore (M.P) - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
133	Alpathin	Cefalothin (dưới dạng hỗn hợp Cefalothin natri và Natri Bicarbonat) 1g	Thuốc bột pha tiêm	24 tháng	USP 37	Hộp 1 lọ	VN-20487-17

66.2 Nhà sản xuất: United Biotech (P) Limited *(Đ/c: Bagbania, Baddi-Nalagarh Road, District-Solan (HP) - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
134	Dorvo	Doripenem (dưới dạng Doripenem monohydrat) 500 mg	Bột pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20488-17

67. Công ty đăng ký: Daewon Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 386, Cheonho-daero, Seongdong-gu, Seoul - Korea)*

67.1 Nhà sản xuất: Daewon Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 24, Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
135	Deimec	Mỗi gói 20ml chứa: Dioctahedral smectite 3,0g	Hỗn dịch uống	24 tháng	NSX	Hộp 20 gói x 20ml	VN-20489-17

68. Công ty đăng ký: Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 244, Galmachi-ro, Jungwon-gu, Seongnam-si, Gyeonggi-do - Korea)*

68.1 Nhà sản xuất: Daewoong Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 35-14, Jeyakgongdan 4-gil, Hyangnang-eup, Hwaseong-Si, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

136	HemoQ Mom	Polysaccharide Iron complex (tương đương sắt 150mg) 326,1mg; Cyanocobalamin 0,1% 25mg; Acid folic 1mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20490-17

69. Công ty đăng ký: Dong Sung Pharm Co., Ltd *(Đ/c: 683, Dobong-ro, Dobong-gu, Seoul - Korea)*

69.1 Nhà sản xuất: JRP Co., Ltd *(Đ/c: 34-40, Jeyakgongdan-2gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
137	Atiston Tablet	Eperison HCl 50mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20491-17
138	Huhajo	Hydrocortison 10mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20492-17

69.2 Nhà sản xuất: Theragen Etex Co., Ltd *(Đ/c: 58, Sandan-ro 68 Beon-gil, Danwon-gu, Ansan-si, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
139	Gujujnam Tab.	Piracetam 800mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20493-17
140	Orolys	Neomycin (dưới dạng Neomycin sulfat) 35000 IU; Nystatin 100000 IU; Polymycin B sulfate 35000 IU	Viên nang mềm đặt âm đạo	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-20494-17

69.3 Nhà sản xuất: Withus Pharmaceutical Co., Ltd *(Đ/c: 103, Je2gongdan 2-gil, Miyang-myeon, Anseong-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
141	Seoni	Eperison HCl 50mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20495-17

70. Công ty đăng ký: Dr. Reddys Laboratories Ltd. *(Đ/c: 8-2-337, Road No.3, Banjara Hills, Hyderabad-500034, Andhara Pradesh - India)*

70.1 Nhà sản xuất: Dr. Reddys Laboratories Ltd. *(Đ/c: Survey No. 42, 45 & 46, Bachupalli Village, Qutubullapur mandal, Ranga Reddy Dist, Telangana State-500090 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
142	Stamlo 10	Amlodipin (dưới dạng amlodipin besilate) 10 mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-20496-17

71. Công ty đăng ký: Duopharma (M) Sdn. Bhd. *(Đ/c: Lot 2599, Jalan Seruling 59, Kawasan 3, Taman Klang Jaya, 41200 Klang, Selangor Darul Ehsan - Malaysia)*

71.1 Nhà sản xuất: Duopharma (M) Sdn. Bhd. *(Đ/c: Lot 2599, Jalan Seruling 59, Kawasan 3, Taman Klang Jaya, 41200 Klang, Selangor - Malaysia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
143	Lakan 1%	Lignocaine HCl 100mg/10mg	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 lọ x 10 ml; hộp 25 lọ x 10ml	VN-20497-17

72. Công ty đăng ký: Egis Pharmaceuticals Private Limited Company *(Đ/c: 1106 Budapest, Keresztúri út, 30-38 - Hungary)*

72.1 Nhà sản xuất: Egis Pharmaceuticals Private Limited Company *(Đ/c: 1165 Budapest, Bokényfoldi út 118-120 - Hungary)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
144	Pollezin	Levocetirizin dihydrochlorid 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 7 viên	VN-20500-17

72.2 Nhà sản xuất: Egis Pharmaceuticals Private Limited Company *(Đ/c: 9900 Kormend, Mátyás király út, 65 - Hungary)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
145	Erolin	Mỗi 120 ml siro chứa: Loratadin 120mg	Siro	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 120 ml	VN-20498-17

146	Lidocain	Mỗi lọ 38g chứa: Lidocain 3,8g	Thuốc phun mù	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 38g	VN-20499-17

73. Công ty đăng ký: Enter Pharm Co., Ltd *(Đ/c: 51, Myeongnyun-1-ga, Jongno-gu, Seoul, 110-521 - Korea)*

73.1 Nhà sản xuất: Kyung Dong Pharm Co., Ltd. *(Đ/c: 224-3, Jeyakdanji-ro, Yanggam-Myeon, Hwaseong-Si, Gyeonggi-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
147	Epecore Tab.	Eperison hydrochlorid 50mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20501-17

73.2 Nhà sản xuất: Mother's Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 18, Gongdan 6-ro 24 gil, Jillyang eup, Gyeongsan-si, Gyeongsanbuk-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
148	Mother's Piracetam tablet 800mg	Piracetam 800mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20502-17

73.3 Nhà sản xuất: Sungwon Adcock Pharm. *(Đ/c: 54, Gimpo-daero 1644beon-gil, Yangchon-eup, Gimpo-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
149	Sadaclin	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin HCl) 300 mg	Viên nang cứng	36 tháng	USP 38	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20503-17

74. Công ty đăng ký: Flamingo Pharmaceuticals Limited *(Đ/c: R-662, T.T.C Industrial Area, MIDC, Rabale, Navi Mumbai Thane 400 701, Maharashtra - India)*

74.1 Nhà sản xuất: Flamingo Pharmaceuticals Limited. *(Đ/c: R-662, TTC Industrial Area Rabale, Navi Mumbai 400 701 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
150	Betamethasone tablet BP 0.5mg	Betamethason 0,5mg	Viên nén	36 tháng	BP 2016	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20504-17
151	Colchicine	Colchicin 500mcg	Viên nén	36 tháng	USP 38	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-20505-17

152	Trixone 1	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri) 1g	Bột pha tiêm	36 tháng	USP 39	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 5ml	VN-20506-17

75. Công ty đăng ký: Galien Pharma *(Đ/c: ZA Les hauts de Lafourcade 32200 Gimont - France)*

75.1 Nhà sản xuất: Laboratoires Grimberg S.A. *(Đ/c: ZA des Boutries, rue Vermont 78704 Conflans Sainte Honorine, Cedex - France)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
153	Solacy Adulte	L-cystin 72,6mg; Lưu huỳnh kết tủa 22 mg; Retinol (dưới dạng vitamin A acetat bao) 1650 IU; Nấm men *Saccharomyces cerevisiae* 77,40mg (tương đương 1,935 x 10^9 tế bào)	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 15 viên	VN-20507-17

76. Công ty đăng ký: Gedeon Richter Plc. *(Đ/c: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103 - Hungary)*

76.1 Nhà sản xuất: Gedeon Richter Plc. *(Đ/c: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103 - Hungary)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
154	Cavinton	Vinpocetin 5mg	Viên nén	60 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 25 viên	VN-20508-17

76.2 Nhà sản xuất: Gedeon Richter Polska Sp. zo.o. *(Đ/c: Ul. Ks. J. Poniatowskiego 5, 05-825 Grodzisk Mazowiecki - Poland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
155	Beatil 4mg/ 10mg (Xuất xưởng: Gedeon Richter Plc.; Đ/c: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103, Hungary)	Perindopril (dưới dạng Perindopril tert-butylamin) 4mg; Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat) 10mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20509-17
156	Beatil 4mg/5mg (Xuất xưởng: Gedeon Richter	Perindopril tert-butylamin 4mg;	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20510-17

	Plc.; Đ/c: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103, Hungary)	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat) 5mg					
157	Beatil 8mg/ 10mg (Xuất xưởng: Gedeon Richter Plc.; Đc: Gyomroi út 19-21, Budapest, 1103, Hungary)	Perindopril tert-butylamin 8mg; Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat) 10mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20511-17

77. Công ty đăng ký: Getz Pharma (Pvt) Ltd. *(Đ/c: Plot No. 29-30/27 Korangi Industrial Area, Karachi 74900 - Pakistan)*

77.1 Nhà sản xuất: Getz Pharma (Pvt) Ltd. *(Đ/c: Plot No. 29-30/27 Korangi Industrial Area, Karachi 74900 - Pakistan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
158	Gabica Capsule 300mg	Pregabalin 300mg	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VN-20512-17

78. Công ty đăng ký: GlaxoSmithKline Pte., Ltd. *(Đ/c: 150 Beach Road, # 21-00 Gateway West, Singapore 189720 - Singapore)*

78.1 Nhà sản xuất: Glaxo Operations UK Limited *(Đ/c: Harmire Road, Barnard Castle, County Durham, DL12 8DT - UK)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
159	Zinnat Suspension	Mỗi gói 4,220g chứa Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 125mg	Cốm pha hỗn dịch uống	24 tháng	NSX	Hộp 10 gói x 4,220g	VN-20513-17
160	Zinnat tablets 500mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ 10 viên	VN-20514-17

78.2 Nhà sản xuất: GlaxoSmithKline Manufacturing S.p.A *(Đ/c: via A. Fleming, 2, 37135 Verona - Italy)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
161	Fortum (CSSX ống nước pha tiêm:	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim	Bột pha tiêm hay	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ thuốc bột + 1 ống	VN-20515-17

	GlaxoSmithKline Manufacturing S.p.A, địa chỉ: Strada Provinciale Asolana, 90, 43056 San Polo di Torrile (PR), Ý)	pentahydrat) 1g	truyền			nước pha tiêm 3ml	

78.3 Nhà sản xuất: GlaxoSmithKline Manufacturing SpA *(Đ/c: Strada Provinciale Asolana N.90 (loc. San Polo), 43056 Torrile (PR) - Italy)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
162	Zantac Injection	Ranitidin (dưới dạng Ranitidin HCl) 50mg/2ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 5 ống x 2 ml	VN-20516-17

78.4 Nhà sản xuất: SmithKline Beecham Pharmaceuticals *(Đ/c: Clarendon Road, Worthing, West Sussex BN14 8QH - UK)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
163	Augmentin 1g	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate) 875 mg; Acid clavulanic (dưới dạng clavulanat potassium) 125 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VN-20517-17

79. Công ty đăng ký: Glenmark Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: B/2, Mahalaxmi Chambers, 22 Bhulabhai Desai Road, Mumbai-400 026 - India)*

79.1 Nhà sản xuất: Glenmark Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: (Unit III) Village Kishanpura, Baddi-Nalagarh Road, Tehsil Nalagarh, Distt. Solan, (H.P.)-174101 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
164	Budesma	Mỗi liều hít chứa Budesonide 200mcg	Thuốc hít định liều	24 tháng	BP 2016	Hộp 1 bình 300 liều	VN-20518-17

79.2 Nhà sản xuất: Glenmark Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: Plot No. E-37, 39 D-Road, MIDC, Satpur, Nashik-422 007, Maharashtra State - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
165	Lizolid-600	Linezolid 600mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp to x 5 hộp nhỏ x 1 vỉ 4 viên	VN-20520-17

79.3 Nhà sản xuất: Glenmark Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: Village Kishanpura, Baddi Nalagarh Road, Tehsil Baddi, Distt. Solan, (H.P.)-173205 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
166	Glencet	Levocetirizin dihydrochlorid 5mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20519-17

80. Công ty đăng ký: Harbin Pharmaceutical Group Co., Ltd. General Pharm. Factory *(Đ/c: No. 109, Xuefu Road, Nangang Dist., Harbin 150086 - China)*

80.1 Nhà sản xuất: Hanlim Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 2-27, Yeongmun-ro, Cheoin-gu, Yongin-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
167	Momex Nasal Spray	Mỗi 1ml hỗn dịch chứa: Mometason furoat 0,5mg	Hỗn dịch xịt mũi	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai 18ml (140 liều xịt x 50mcg)	VN-20521-17

80.2 Nhà sản xuất: Harbin Pharmaceutical Group Co.,Ltd. General Pharm Factory *(Đ/c: 109 Xuefu Road, Nangang Dist, Harbin 150086 - China)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
168	Benzylpenicillin sodium Inj	Benzylpenicilin (dưới dạng Benzylpenicilin natri) 1.000.000 IU	Bột pha tiêm	36 tháng	BP 2015	Hộp 50 lọ	VN-20522-17

81. Công ty đăng ký: Hawon Pharmaceutical Corporation *(Đ/c: 312, Nonhyeon-ro, Gangnam-gu, Seoul - Korea)*

81.1 Nhà sản xuất: Dae Han New Pharm Co., Ltd. *(Đ/c: 66, Jeyakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
169	Tambutin Tablet	Trimebutine maleate 100 mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20523-17

82. Công ty đăng ký: Hyphens Pharma Pte. Ltd *(Đ/c: 138 Joo Seng Road, #03-00, Singapore 368361 - Singapore)*

82.1 Nhà sản xuất: Cenexi *(Đ/c: 17 rue de Pontoise 95520 Osny - France)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
170	Ella	Ulipristal acetat 30mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 1 viên	VN-20524-17

83. Công ty đăng ký: Intas Pharmaceuticals Ltd *(Đ/c: 2nd Floor, Chinubhai Centre, Off. Nehru Bridge, Ashram Road, Ahmedabad - 380 009 - India)*

83.1 Nhà sản xuất: Intas Pharmaceuticals Ltd *(Đ/c: Plot Numbers 457 and 458, Sarkhej-Bavla Highway, Matoda, Sanand, Ahmedabad, Gujarat, In-382210 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
171	Pantium-40	Pantoprazol (dưới dạng pantoprazol natri sesquihydrat) 40mg	Viên nén bao tan trong ruột	36 tháng	USP39	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20525-17

84. Công ty đăng ký: Ipca Laboratories Ltd. *(Đ/c: International House 48, Kandivli Industrial Estate, Kandivli ,(W), Mumbai 400 067 - India)*

84.1 Nhà sản xuất: Ipca Laboratories Ltd. *(Đ/c: Plot No. 255/1, Athal-Dadra and Nagar Haveli, 396 230 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
172	Lamepil-100	Lamotrigin 100mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20526-17
173	Lamepil-25	Lamotrigin 25mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20527-17
174	Lamepil-50	Lamotrigin 50mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20528-17

85. Công ty đăng ký: Janssen Cilag Ltd. *(Đ/c: 106 Moo 4 Lad Krabang Industrial Estate Chalongkrung Rd., Kwaeng Lamplatew, Khet Lad, Krabang, Bangkok 10520. - Thailand)*

85.1 Nhà sản xuất: Cilag AG *(Đ/c: Hochstrasse 201, 8200 Schaffhausen - Switzerland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
175	Topamax	Topiramat 50mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-20529-17

86. Công ty đăng ký: Jsc "Kraspharma" *(Đ/c: 2, 60 let Oktyabrya St., Krasnoyarsk - Russia)*

86.1 Nhà sản xuất: JSC "Kraspharma" *(Đ/c: 2, 60 let Oktyabrya St., Krasnoyarsk - Russia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
176	Ceftriaxone	Ceftriaxone (dưới dạng Ceftriaxon sodium) 1g	Thuốc bột pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ, 10 lọ	VN-20530-17

87. Công ty đăng ký: JW Pharmaceutical Corporation *(Đ/c: 2477, Nambusunhwan-ro, Seocho-gu, Seoul - Korea)*

87.1 Nhà sản xuất: JW Life Science Corporation *(Đ/c: 28, Hanjin 1-gil, Songak-eup, Dangjin-si, Chungcheongnam-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
177	Combilipid Peri Injection	Túi 3 ngăn 1440 ml chứa: Dung dịch A (Dung dịch glucose 11,0%) 885ml; Dung dịch B 300ml chứa: L-alanin 4,8g; L-arginin 3,39g; L-Aspartic acid 1,02g; L-Glutamic acid 1,68g; Glycin 2,37g; L-histidin 2,04g; L-isoleucin 1,68g; L-leucin 2,37g; L-lysin. HCl 3,39g; L-methionin 1,68g; L-phenylalanin 2,37g; L-prolin 2,04g; L-serin 1,35g; L-threonin 1,68g; L-tryptophan 0,57g; L-tyrosin 0,069g; L-valin 2,19g; Natri glycerophosphate hydrat 2,142g; Kali clorid 1,791g; Magnesi sulfat heptahydrat 0,987g; Calci clorid dihydrat 0,294g; Natri acetat trihydrat 2,451g; Nhũ tương C 255ml chứa: Dầu đậu nành tinh khiết 51g; Lecithin 3,06g; Glycerol 5,61g.. Túi 3 ngăn 1920 ml chứa: Dung dịch A (Dung dịch glucose 11,0%) 1180ml; Dung dịch B 400ml chứa: L-alanin 6,4g; L-arginin 4,52g; L-Aspartic acid 1,36g; L-Glutamic acid 2,24g; Glycin 3,16g; L-histidin 2,72g; L-isoleucin 2,24g; L-leucin 3,16g; L-lysin. HCl 4,52g; L-methionin 2,24g; L-phenylalanin 3,16g; L-prolin 2,72g; L-serin 1,8g; L-threonin 2,24g; L-tryptophan 0,76g; L-tyrosin 0,092g; L-valin 2,92g; Natri glycerophosphate hydrat 2,856g; Kali clorid 2,388g; Magnesi sulfat heptahydrat 1,316g; Calci clorid dihydrat 0,392g; Natri acetat trihydrat 3,268g; Nhũ tương C 340ml chứa: Dầu đậu nành tinh khiết 68g; Lecithin 4,08g; Glycerol 7,48g	Nhũ tương tiêm truyền tĩnh mạch ngoại vi	24 tháng	NSX	Túi 3 ngăn 1440ml, Túi 3 ngăn 1920ml	VN-20531-17

87.2 Nhà sản xuất: JW Pharmaceutical Corporation *(Đ/c: 56 Hanjin 1-gil, Songak-eup, Dangjin-si, Chungcheongnam-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
178	Choongwae Prepenem 500mg	Mỗi lọ chứa: Imipenem khan (dưới dạng Imipenem 530mg) 500mg; Cilastatin (dưới dạng Cilastatin natri 532mg) 500mg	Thuốc bột pha dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 10 lọ	VN-20532-17
179	Maxpenem injetion 500mg	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat 570mg) 500mg	Thuốc bột pha tiêm	36 tháng	USP38	Hộp 10 lọ	VN-20533-17

88. Công ty đăng ký: Kaifeng Yugang Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: No. 1 Yunan Street, Kaifeng City, Henan Province. - China)*

88.1 Nhà sản xuất: Furen Pharmaceutical Group Co., Ltd. *(Đ/c: Xuan Wu Economic Developing Area, LuYi County, Henan - China)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
180	Branfangan	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Paracetamol 1g	Dung dịch truyền	36 tháng	NSX	Hộp 1 chai 100ml	VN-20534-17

89. Công ty đăng ký: Kolmar Pharma Co., Ltd *(Đ/c: 93 Biovalley2-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do - Korea)*

89.1 Nhà sản xuất: Kolmar Pharma Co., Ltd. *(Đ/c: 93, Biovalley2-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
181	Terinale Vaginal Soft Capsule	Neomycin (dưới dạng Neomycin sulfat) 35mg (hoặc 35.000IU); Nystatin 100.000 IU; Polymycin B sulfat	Viên nang mềm đặt âm đạo	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 6 viên	VN-20535-17

		35.000 IU					

90. Công ty đăng ký: Kolon Global Corp *(Đ/c: 1-23, Byeoryang-dong, Gwacheon-si, Gyeonggi-do - Korea)*

90.1 Nhà sản xuất: Kolon Pharmaceuticals Inc. *(Đ/c: 45 Munpyeongseo-ro 18 beon-gil, Daedeok-gu, Daejeon - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
182	Kolon Flavone	Cao khô lá bạch quả (tương đương 9,6mg Ginkgo flavon glycosid toàn phần) 40 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP37	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-20536-17

90.2 Nhà sản xuất: PT Indofarma TbK *(Đ/c: JI Indofarma No. 1, Cikarang Barat, Bekasi 17530 - Indonesia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
183	Onlacplus	Loratadin 10mg	Viên nén	48 tháng	USP38	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-20537-17

90.3 Nhà sản xuất: Samjin Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 52, Jeakgongdan 1-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
184	Cefolatam	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) 500mg; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) 500mg	Bột pha dung dịch tiêm tĩnh mạch	24 tháng	NSX	Hộp 10 lọ	VN-20538-17

91. Công ty đăng ký: Korea Arlico Pharm Co., Ltd. *(Đ/c: 21, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do - Korea)*

91.1 Nhà sản xuất: Korea Arlico Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 21, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
185	Evinale gel	Mỗi 10g gel chứa: Tyrothricin 10mg	Gel bôi da	36 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 10g	VN-20539-17

92. Công ty đăng ký: Korea Prime Pharm. Co., Ltd *(Đ/c: (Daein-dong), 211, Jungang-ro, Dong-gu, Gwangju - Korea)*

92.1 Nhà sản xuất: Korea Prime Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 100, Wanjusandan 9-ro, Bongdong-eup, Wanju-Gun, Jeollabuk-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
186	Boxorfen Tablet	Rebamipid 100mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20540-17
187	Tritasdine	Trimetazidin hydrochlorid 20mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20541-17
188	Vitalef-100	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat) 100mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 4 viên	VN-20542-17

93. Công ty đăng ký: Kukje Pharma Inc *(Đ/c: 513-2, Yatab-dong, Bundang-gu, Seongnam-city, Gyeonggi-do - Korea)*

93.1 Nhà sản xuất: Hutecs Korea Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 99, Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseng-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
189	Hutecs-Acyvir	Acyclovir 200mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20543-17

94. Công ty đăng ký: Kyongbo Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 174, Sirok-ro, Asan-Si, Chungcheongnam-do, 336-020 - Korea)*

94.1 Nhà sản xuất: Aju Pharm. Co., Ltd *(Đ/c: 23, Sandan-ro 121beon-gil, Pyeongtaek-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
190	Safdin capsule	Cefdinir 100mg	Viên nang cứng	24 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20544-17

94.2 Nhà sản xuất: Kyongbo Pharmaceutical. Co., Ltd. *(Đ/c: 174, Sirok-Ro, Asan-Si, Chungcheongnam-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
191	Kbfroxime Injection	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri) 1,5g	Thuốc bột pha tiêm	24 tháng	USP38	Hộp 10 lọ	VN-20545-17

94.3 Nhà sản xuất: Union Korea Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 246, Munmakgongdan-gil, Munmak-eup, Wonju-si, Gangwon-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
192	Teonam Inj.	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat 530 mg) 500mg; Cilastatin (dưới dạng Cilastatin natri 532 mg) 500mg	Bột pha tiêm	24 tháng	USP 38	Hộp 1 lọ và 10 lọ	VN-20546-17

95. Công ty đăng ký: Laboratoires Urgo *(Đ/c: 42 rue de Longvic - 21300 Chenove - France)*

95.1 Nhà sản xuất: Laboratoires Urgo *(Đ/c: 2 Avenue de Strasbourg Zone Excellence 2000 21800 Chevigny Saint Sauveur - France)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
193	Passedyl	Sulfogaiacol 1,468 g/125ml; Natri benzoat 2,835 g/125ml	Si rô	21 tháng	NSX	Hộp 1 chai 125ml	VN-20547-17

96. Công ty đăng ký: Laboratorios Liconsa, S.A. *(Đ/c: Gran Via Carlos III, 98, 08028, Barcelona - Spain)*

96.1 Nhà sản xuất: Laboratorios Liconsa, S.A. *(Đ/c: Avda. Miralcampo, No 7, Pol. Ind. Miralcampo, 19200 Azuqueca de Henares (Guadalajara) - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
194	Neumoterol 400	Budesonide 400mcg; Formoterol fumarate dihydrate 12mcg;	Viên nang chứa bột dùng để hít	36 tháng	NSX	Hộp 1 chai 60 viên nang cứng kèm dụng cụ để hít	VN-20548-17

97. Công ty đăng ký: Les Laboratoires Servier *(Đ/c: 50 rue Carnot, 92284 Suresnes Cedex - France)*

97.1 Nhà sản xuất: Les Laboratoires Servier *(Đ/c: 905 Route de Saran, 45520 Gidy - France)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
195	Diamicron MR	Gliclazide 30mg	Viên nén phóng thích có kiểm soát	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 30 viên	VN-20549-17

98. Công ty đăng ký: Lupin Limited *(Đ/c: 159, C.S.T Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai - 400 098 - India)*

98.1 Nhà sản xuất: Medopharm Private Limited *(Đ/c: 50, Kayarambedu Village, Guduvanchery - 603 202, Tamil Nadu - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
196	Smbiclav 1000	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 875mg; Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali) 125mg	Viên nén bao phim	24 tháng	BP 2015	Hộp 1 vỉ x 6 viên, hộp 2 vỉ x 6 viên, hộp 5 vỉ x 6 viên	VN-20550-17
197	Smbiclav 625	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500mg; Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali) 125mg	Viên nén bao phim	24 tháng	BP 2015	Hộp 1 vỉ x 6 viên, hộp 2 vỉ x 6 viên, hộp 5 vỉ x 6 viên	VN-20551-17

98.2 Nhà sản xuất: Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd (Unit II) *(Đ/c: Q road, Phase IV, GIDC, Wadhwan - 363035 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
198	Lupitriz	Levocetirizin dihydroclorid 5mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20552-17

99. Công ty đăng ký: M.s. Baroque Pharmaceuticals Pvt. Ltd. *(Đ/c: 193/2&3, Sokhada-388620, Tal-khambhat, Dist.-Anand., Gujarat state - India)*

99.1 Nhà sản xuất: Baroque Pharmaceuticals Pvt. Ltd. *(Đ/c: 193/2/3, Sokhada-388620, Ta.khambh, District: Anand., Gujarat state - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
199	Clovir 200	Aciclovir 200mg	Viên nén	36 tháng	BP2015	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-20553-17
200	Clovir 400	Aciclovir 400mg	Viên nén	36 tháng	BP2015	Hộp 2 vỉ x 10 viên	VN-20554-17

100. Công ty đăng ký: Macleods Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 304, Atlanta Arcade, Marol Church Road, Andheri (E.), Mumbai - 400 059 - India)*

100.1 Nhà sản xuất: Macleods Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: N-2, Vill. Theda, P.O. Lodhimajra, Baddi, Distt.Solan (H.P) - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
201	Olmac 5	Olanzapin 5mg	Viên nén bao phim	24 tháng	USP 37	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20555-17

101. Công ty đăng ký: Maxim Pharmaceuticals Pvt. Ltd. *(Đ/c: 4/16 Prasanna Park, Shankar Seth Road, Gultekadi, Pune 411037, Maharashtra - India)*

101.1 Nhà sản xuất: Zeiss Pharmaceuticals Pvt. Ltd. *(Đ/c: Plot No. 72, EPIP-1, Jharmajri, Baddi, Distt. Solan, (H.P) - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
202	Camtax	Ceftazidim (dưới dạng bột hỗn hợp vô khuẩn Ceftazidim pentahydrat và natri carbonat) 1g	Bột pha tiêm	24 tháng	USP 38	Hộp 1 lọ	VN-20556-17

102. Công ty đăng ký: Medochemie Ltd. *(Đ/c: 1-10 Constantinoupoleos Street, 3011 Limassol - Cyprus)*

102.1 Nhà sản xuất: Medochemie Ltd- Factory B *(Đ/c: 48 Iapetou str., Agios Athanassios Industrial Area, 4101 Agios Athanassios, Limassol - Cyprus)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
203	Medoclav 1g	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 875mg; Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali) 125mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VN-20557-17

102.2 Nhà sản xuất: Medochemie Ltd. - Factory AZ *(Đ/c: 2, Michael Erakleous Street, Agios Athanassios Industrial Area, Agios Athanassios, Limassol, 4101 - Cyprus)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
204	Cyclindox 100mg	Doxycyclin (dưới dạng Doxycyclin hyclat) 100mg	Viên nang cứng	48 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20558-17

102.3 Nhà sản xuất: Medochemie Ltd.- central Factory *(Đ/c: 1-10 Constantinoupoleos Street, 3011 Limassol - Cyprus)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
205	Verimed 135mg	Mebeverin hydroclorid 135mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-20559-17

103. Công ty đăng ký: Mega Lifesciences Public Company Limited *(Đ/c: 384 Moo 4, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 Road, Phraeksa, Mueang, Samut Prakan 10280 - Thailand)*

103.1 Nhà sản xuất: Embil Ilac San. Ltd. Sti *(Đ/c: Cerkezkoy Organize Sanayi Bolgesi Gaziosmanpasa Mahallesi, Fatih Bulvari. No:19/2 Cerkezkoy - Tekirdag - Turkey)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
206	Neo-Penotran	Metronidazol	Viên đạn đặt	24	NSX	Hộp 2 vỉ x 7	VN-20560-17

		500mg; Miconazol nitrat 100mg	âm đạo	tháng		viên	

103.2 Nhà sản xuất: Encube Ethicals Pvt. Ltd *(Đ/c: C-1, Madkaim Industrial Estate, Madkaim, Ponda, Goa-403 404 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
207	Nopetigo-B	Mỗi 1g cream chứa: Acid fusidic 20mg; Betamethason (dưới dạng betamethason ester valerat) 1mg	Kem bôi ngoài da	24 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 30g	VN-20561-17

103.3 Nhà sản xuất: Gland Pharma Ltd. *(Đ/c: Survey No. 143-148, 150 &151, Near Gandimaisamma Cross Roads, D.P Pally, Dundigal Post, Quthbullapur Mandal, R.R Dist, Hyderabad- 500 043-TS - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
208	Zoruxa	Zoledronic acid (dưới dạng Zoledronic acid monohydrate) 5mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 chai 100 ml	VN-20562-17

103.4 Nhà sản xuất: Inventia Healthcare Pvt. Ltd. *(Đ/c: F1-F1/1, Additional Ambernath M.I.D.C.. Ambernath (East), Thane 421 506, Maharashtra State - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
209	Barole 10	Rabeprazol Natri 10 mg	Viên nang cứng chứa hạt bao tan trong ruột	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VN-20563-17
210	Perglim 1	Glimepirid 1mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VN-20564-17

103.5 Nhà sản xuất: Mega Lifesciences Public Company Limited *(Đ/c: 384 Moo 4, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 Road, Phraeksa, Mueang, Samut Prakan 10280 - Thailand)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
211	Valian-X	Cao khô rễ Valerian 445mg (tương đương rễ Valeriana officinalis sấy khô 2000mg)	Viên nang mềm	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VN-20566-17

103.6 Nhà sản xuất: Mega Lifesciences Public Company Limited *(Đ/c: 384 Moo 4, Soi 6, Bangpoo Industrial Estate, Pattana 3 Road, Phraeksa, Mueang, Samutprakan 10280 - Thailand)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
212	Loreze	Loratadin 10mg	Viên nang mềm	24 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-20565-17

103.7 Nhà sản xuất: Synthon Hispania, SL *(Đ/c: Castello 1, Polígono Las Salinas, 08830 Sant Boi de Llobregat (Barcelona) - Tây Ban Nha)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
213	Floezy	Tamsulosin HCl 0,4g	Viên nén phóng thích kéo dài	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20567-17

104. Công ty đăng ký: Merck Sharp & Dohme (Asia) Ltd. *(Đ/c: Flat/RM 1401 A&B 14/F & 27/F., Caroline Ctr, 28 Yun Ping Road, Causeway Bay - Hong Kong)*

104.1 Nhà sản xuất: Laboratoires Merck Sharp & Dohme Chibret *(Đ/c: Route de Marsat, RIOM 63963, Clermont - Ferrand Cedex 9 - France)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
214	Cancidas	Caspofungin 70mg	Bột pha dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20568-17

104.2 Nhà sản xuất: Merck Sharp & Dohme Ltd. *(Đ/c: Shotton Lane, Cramlington, Northumberland, NE23 3JU - UK)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
215	Cozaar 100mg	Losartan potassium 100mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20569-17
216	Cozaar 50mg	Losartan potassium 50mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20570-17

104.3 Nhà sản xuất: MSD International GmbH (Puerto Rico Branch) LLC *(Đ/c: Pridco Industrial Park, State Road 183, Las Piedras, Puerto Rico 00771 - Puerto Rico)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
217	Janumet XR 100mg/1000mg (đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V., địa chỉ: Waarderweg 39, 2031 BN Haarlem, The Netherlands)	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate) 100mg; Metformin HCl 1000mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm	24 tháng	NSX	Lọ 14 viên, lọ 28 viên	VN-20571-17
218	Janumet XR 50mg/1000mg (đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V., địa chỉ: Waarderweg 39, 2031 BN Haarlem, The Netherlands)	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate) 50mg; Metformin HCl 1000mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm	24 tháng	NSX	Lọ 14 viên, lọ 28 viên	VN-20572-17
219	Janumet XR 50mg/500mg (đóng gói: Merck Sharp & Dohme B.V., địa chỉ: Waarderweg 39, 2031 BN Haarlem, The Netherlands)	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate) 50 mg; Metformin HCl 500mg	Viên nén bao phim giải phóng chậm	24 tháng	NSX	Lọ 14 viên, lọ 28 viên	VN-20573-17

105. Công ty đăng ký: Micro Labs Limited *(Đ/c: No.27, Race Course Road, Bangalore 560 001 - India)*

105.1 Nhà sản xuất: Micro Labs Limited *(Đ/c: 92, Sipcot, Hosur - 635 126, Tamil Nadu - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
220	Histirine	Levocetirizin dihydrochlorid 5mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20574-17

221	Melanov-M	Gliclazide 80mg; Metformin hydrochloride 500mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20575-17
222	Somexwell-40	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat) 40mg	Viên nén bao tan trong ruột	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20576-17

106. Công ty đăng ký: Mundipharma Pharmaceuticals Pte. Ltd. *(Đ/c: 12 Marina View, #22-01 Asia Square Tower 2, Singapore 018961 - Singapore)*

106.1 Nhà sản xuất: Mundipharma Pharmaceuticals Ltd. *(Đ/c: 13, Othellos Str., Dhali Industrial Area , 2540 Nicosia - Cyprus)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
223	Betadine Ointment 10% w/w	Mỗi 100g chứa: Povidon Iod 10g	Thuốc mỡ	36 tháng	NSX	Hộp 1 tuýp 40g, hộp 1 tuýp 100g	VN-20577-17

107. Công ty đăng ký: Nabiqasim Industries (Private) Limited *(Đ/c: 509-510, 5th floor, Commerce Centre, Hasrat Mohani Road, Karrachi - Pakistan)*

107.1 Nhà sản xuất: Nabiqasim Industries (Pvt) Ltd. *(Đ/c: 17/24, Korangi Industrial Area, Karachi - Pakistan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
224	Lungair 10mg	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri) 10mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VN-20578-17

108. Công ty đăng ký: Novartis (Singapore) Pte Ltd *(Đ/c: 10 Collyer Quay, # 10-01, Ocean Financial Centre Singapore (049315) - Singapore)*

108.1 Nhà sản xuất: Ebewe Pharma Ges.m.b.H Nfg.KG *(Đ/c: Mondseestrasse 11, 4866 Unterach am Attersee - Austria)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
225	Alexan	Cytarabin 20mg/ml	Dung dịch tiêm, tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ, 10 lọ x 5ml	VN-20579-17
226	Alexan	Cytarabin 50mg/ml	Dung dịch	24	NSX	Hộp 1 lọ 10ml	VN-20580-17

			tiêm, tiêm truyền	tháng			
227	Paclitaxel "Ebewe"	Mỗi ml dung dịch chứa: Paclitaxel 6mg	Dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 16,7ml	VN-20581-17
228	Vinorelbin "Ebewe"	Mỗi ml dung dịch chứa: Vinorelbin (dưới dạng Vinorelbin tartrat) 10mg	Dung dịch đậm đặc pha tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 5 ml	VN-20582-17

108.2 Nhà sản xuất: Salutas Pharma GmbH *(Đ/c: Otto-von-Guericke-Allee 1, 39179 Barleben - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
229	Tamoxifen Sandoz 10mg	Tamoxifen (dưới dạng Tamoxifen citrate) 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20583-17
230	Tamoxifen Sandoz 20mg	Tamoxifen (dưới dạng Tamoxifen citrate) 20mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20584-17

109. Công ty đăng ký: Novartis Pharma Services AG *(Đ/c: Lichtstrasse 35, 4056 Basel - Switzerland)*

109.1 Nhà sản xuất: Alcon Singapore Manufacturing Pte. Ltd *(Đ/c: 19 Tuas South Avenue 14, Singapore 637313 - Singapore)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
231	Travatan	Travoprost 40 mcg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 2,5 ml	VN-20585-17

109.2 Nhà sản xuất: Novartis Pharma Stein AG *(Đ/c: Schaffhauserstrasse 4332 Stein - Switzerland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
232	Tasigna 150mg	Nilotinib (dưới dạng Nilotinib hydroclorid monohydrat)	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 7 vỉ x 4 viên	VN-20586-17

		150mg					

109.3 Nhà sản xuất: s.a. Alcon-Couvreur N.V *(Đ/c: Rijksweg 14, 2870 Puurs - Belgium)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
233	Tobradex	Mỗi 1 ml chứa: Tobramycin 3mg; Dexamethason 1mg	Hỗn dịch nhỏ mắt	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 5 ml	VN-20587-17

110. Công ty đăng ký: Orient Europharma Pte. Ltd. *(Đ/c: 1 Sophia Road, #04-12, Peace Cemtre, Singapore 228149 - Singapore)*

110.1 Nhà sản xuất: Oreint Pharma Co., Ltd. *(Đ/c: No. 8, Kehu 1st Road, Huwei Township, Yunlin County 63247 - Taiwan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
234	Pitator Tablets 2mg	Pitavastatin calcium 2mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ nhôm/ PVC/PVDC x 14 viên	VN-20588-17

111. Công ty đăng ký: Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 2-9 Kanda Tsukasamachi, Chiyoda-Ku, Tokyo - Japan)*

111.1 Nhà sản xuất: Korea Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 27, Jeyakgongdan 3-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
235	Mucosta tablets 100mg	Rebamipid 100mg	Viên nén bao phim	36 tháng	JP16	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20589-17
236	Pletaal tablets 100mg	Cilostazol 100mg	Viên nén	36 tháng	JP 16	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20590-17
237	Pletaal tablets 50mg	Cilostazol 50mg	Viên nén	36 tháng	JP 16	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20591-17

112. Công ty đăng ký: Paradigm Pharmaceuticals Inc. *(Đ/c: 2600 W.Big Beaver Road, Suite 550, Troy, Michigan 48084 - USA)*

112.1 Nhà sản xuất: Apotex Inc. *(Đ/c: 150 Signet Drive, Toronto, Ontario, M9L 1T9 - Canada)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
238	Rovastin 10mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 10mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20592-17
239	Rovastin 20mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) 20mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20593-17

113. Công ty đăng ký: Pfizer (Thailand) Ltd. *(Đ/c: Floor 36, 37 United Center Building, 323 Silom Road, Silom, Bangrak, Bangkok 10500 - Thailand)*

113.1 Nhà sản xuất: Wyeth Lederle S.r.l. *(Đ/c: Via Franco Gorgone Z.I., 95100 Catania (CT) - Italy)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
240	Tazocin	Piperacillin (dưới dạng Piperacillin natri) 4g; Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri) 0,5g	Bột đông khô pha tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20594-17

114. Công ty đăng ký: Pharmaceutical Works Polpharma S.A. *(Đ/c: Pelplinska 19, 83-200 Starogard Gdanski - Poland)*

114.1 Nhà sản xuất: Pharmaceutical Works Polpharma S.A. *(Đ/c: 83-200 Starogard Gdanski, 19 Pelplinska Street - Poland)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
241	Maxigra	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat) 100mg	Viên nén bao phim	24 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 1 viên; Hộp 1 vỉ x 4 viên	VN-20595-17

115. Công ty đăng ký: Pharmascience Inc. *(Đ/c: 6111 Royalmount Avenue 100 Montreal, Quebec H4P2T4 - Canada)*

115.1 Nhà sản xuất: Pharmascience Inc. *(Đ/c: 6111 Royalmount Avenue 100 Montreal, Quebec H4P2T4 - Canada)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký

242	Pharmapir 25mg	Topiramate 25mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Chai 100 viên	VN-20596-17

116. Công ty đăng ký: Pharmaunity Co., Ltd *(Đ/c: 69-5 Taepyeongno, 2-Ga, Jung-Gu, Seoul - Korea)*

116.1 Nhà sản xuất: Dongkoo Bio & Pharma Co., Ltd *(Đ/c: 18, Jeyakgongdan 2-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
243	Bisnang Ophthalmic Solution	Levofloxacin 25mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20597-17
244	Butidec	Sodium hyaluronate 1mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 5ml	VN-20598-17
245	Oxciu Ophthalmic Solution	Ofloxacin 15mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 5 ml	VN-20599-17
246	Totcal Soft capsule	Calcium (dưới dạng Precipitated Calcium carbonate 750mg) 300 mg	Viên nang mềm	36 tháng	NSX	Hộp 20 vỉ x 5 viên	VN-20600-17

116.2 Nhà sản xuất: Hana Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 13-39, Jeyakdanji-ro, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
247	Unsolik Injection 8mg	Ondansetron (dưới dạng Ondansetron HCl) 8mg/4ml	Dung dịch tiêm	24 tháng	USP 38	Hộp 5 ống x 4ml	VN-20601-17
248	Wirobar Tab.	Carvedilol 25mg	Viên nén	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20602-17

116.3 Nhà sản xuất: Hwail Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 156, Sandan-ro 67 beon-gil, Danwon-Gu, Ansan-Si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
249	Unimone Inj.	Ceftizoxim (dưới dạng Ceftizoxim natri) 1g	Bột pha tiêm	24 tháng	USP 38	Hộp 10 lọ	VN-20603-17

116.4 Nhà sản xuất: Yoo Young Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 33, Yongso 2-gil, Gwanghyewon-myeon, Jincheon-gun, Chungcheongbuk-Do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
250	Arenmax Tab.	Acid Alendronic (dưới dạng Alendronat natri) 70mg	Viên nén	24 tháng	USP 38	Hộp 1 vỉ x 4 viên	VN-20604-17
251	Donzime Inj.	Cefepim (dưới dạng Cefepim dihydrochlorid hydrat và L-arginin) 1g	Thuốc bột pha tiêm	24 tháng	USP 37	Hộp 10 lọ	VN-20605-17
252	Mesulpine Tab. 20mg	Natri rabeprazole 20mg	Viên nén bao tan trong ruột	36 tháng	NSX	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20606-17

117. Công ty đăng ký: Pierre Fabre Medicament *(Đ/c: 45, Place Abel Gance, 92100 Boulogne - France)*

117.1 Nhà sản xuất: Pierre Fabre Medicament production *(Đ/c: Etablissement Simaphac Z.I. de Chateaurenard 45220 Chateaurenard - France)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
253	Ossopan	Calci (dưới dạng chiết xuất cao xương toàn phần-tính bằng vật liệu khô: 600mg) 3,24mmol;	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-20607-17

118. Công ty đăng ký: Productiv Sarl *(Đ/c: 165 Boulevard de Valmy 92700 Colombes - France)*

118.1 Nhà sản xuất: Xellia Pharmaceuticals ApS *(Đ/c: Dalslandsgade 11, Copenhagen S, DK-2300 - Denmark)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
254	Colomycin Injection (CS đóng gói: Penn Pharmaceiticals Ltd, Đ/c: units 23-24,	Natri colistimethat 1000000 I.U	Thuốc bột pha tiêm/truyền tĩnh mạch	36 tháng	NSX	Hộp 10 lọ	VN-20608-17

	Tafarnaubach Industrial Estate, Tafarnaubach, tredegar, Gwent, NP22 3AA, UK)		hoặc dùng xông hít				

119. Công ty đăng ký: PT. Novell Pharmaceutical Laboratories *(Đ/c: Jl. Wanaherang No. 35, Tlajung Udik, Gunung Putri, Bogor 16962 - Indonesia)*

119.1 Nhà sản xuất: PT. Novell Pharmaceutical Laboratories *(Đ/c: Jl. Wanaherang No. 35, Tlajung Udik, Gunung Putri, Bogor - Indonesia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
255	Clindamycin	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin HCl) 150mg	Viên nang cứng	36 tháng	NSX	Hộp 5 vỉ x 10 viên	VN-20609-17

120. Công ty đăng ký: Renata Ltd. *(Đ/c: House No. 450, Road No. 31, New D.O.S.H, Mohakhali Dhaka - 1206 - Bangladesh)*

120.1 Nhà sản xuất: Industria Farmaceutica Galenica Senese S.r.l *(Đ/c: Via Cassia Nord, 351-53014 Monteroni d'Arbia (SI) - Italy)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
256	Ledrobon - 4mg/100ml	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Acid zoledronic (dưới dạng Acid zoledronic monohydrat) 4mg	Dung dịch truyền tĩnh mạch	36 tháng	NSX	Hộp 1 túi 100ml	VN-20610-17

121. Công ty đăng ký: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk *(Đ/c: Bunsenstrasse 4, D-22946 Trittau - Germany)*

121.1 Nhà sản xuất: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk *(Đ/c: Bunsenstrasse 4, D-22946 Trittau - Germany)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
257	Ketamine Hydrochloride injection	Ketamine (dưới dạng Ketamine HCl) 500mg/10ml	Dung dịch tiêm	60 tháng	NSX	Hộp 25 lọ 10 ml	VN-20611-17
258	Oxytocin injection BP 10 Units	Oxytocin 0,0167mg (10IU)/1ml	Dung dịch tiêm/truyền	36 tháng	BP 2015	Hộp 10 ống x 1ml	VN-20612-17

			tĩnh mạch				
259	Rocalcic 100	Calcitonin salmon 100 IU/1ml	Dung dịch tiêm và pha tiêm truyền	36 tháng	NSX	Hộp 5 ống 1ml	VN-20613-17
260	Tramadol 100mg-Rotexmedica	Tramadol hydrochlorid 100 mg/2ml	Dung dịch tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 10 ống x 2ml	VN-20614-17

122. Công ty đăng ký: S.I.A. (Tenamyd Canada) Inc. *(Đ/c: 242, Varry Street, St. Laurent, Quebec, H4N1A3 - Canada)*

122.1 Nhà sản xuất: KRKA, D.D., Novo Mesto *(Đ/c: Smarjeska Cesta 6, 8501 Novo Mesto - Slovenia)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
261	Gliclada 30mg	Gliclazide 30 mg	Viên nén phóng thích kéo dài	36 tháng	NSX	Hộp 8 vỉ x 15 viên	VN-20615-17
262	Tolura 40mg	Telmisartan 40mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-20616-17
263	Tolura 80mg	Telmisartan 80mg	Viên nén	24 tháng	NSX	Hộp 4 vỉ x 7 viên	VN-20617-17

123. Công ty đăng ký: S.J&G Fazul Ellahie (Pvt.) Ltd. *(Đ/c: 17 Maqbool Co-operative Housing Society, Block 7&8. Lal Mohammad Choudhry Road, Karachi - Pakistan)*

123.1 Nhà sản xuất: S.J&G Fazul Ellahie (Pvt.) Ltd. *(Đ/c: E/46, S.I.T.E. Karachi - Pakistan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
264	Drate 70mg	Acid Alendronic (dưới dạng Alendronat natri) 70mg	Viên nén bao phim	24 tháng	USP 39	Hộp 1 vỉ x 4 viên	VN-20618-17

124. Công ty đăng ký: Saint Corporation *(Đ/c: Academy Tower, Rm #718,719 - 118 Seongsui-ro, Seongdong-ro, Seoul - Korea)*

124.1 Nhà sản xuất: Kolmar Pharma Co., Ltd. *(Đ/c: 93, Biovalley2-ro, Jecheon-si, Chungcheongbuk-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
265	Liverterder soft capsule	L-cystin 250mg;	Viên nang	36	NSX	Hộp 12 vỉ x 5	VN-20619-17

		Cholin hydrotartrat 250mg	mềm	tháng		viên	

124.2 Nhà sản xuất: Schnell Biopharmaceuticals, Inc *(Đ/c: 16, Dumeori-gil, Yanggang-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
266	Cefdivale injection	Cefazolin (dưới dạng Cefazolin sodium) 1g	Thuốc bột pha tiêm	24 tháng	USP 38	Hộp 10 lọ	VN-20620-17

124.3 Nhà sản xuất: Young Poong Pharmaceutical Co., Ltd. *(Đ/c: 333, Hambakmoe-Ro, Namdong-gu, Incheon - Korea)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
267	Ossomaxe Tab	Acid Alendronic (dưới dạng Natri Alendronat) 70mg	Viên nén	36 tháng	USP 38	Hộp 1 vỉ x 4 viên	VN-20621-17

125. Công ty đăng ký: Sakar Healthcare Pvt. Ltd. *(Đ/c: 406, Silver Oaks Commercial Complex, Near Mahalaxmi Cross Road, Paldi, Ahmedabad: 380 007, Gujarat - India)*

125.1 Nhà sản xuất: Sakar Healthcare Pvt. Ltd. *(Đ/c: Block No 10-13, Sarkhej- Bavla Road, Village Changodar, Ahmedabad-382213 - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
268	M-Clanet 625	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500 mg; Acid Clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali kết hợp với Cellulose vi tinh thể theo tỷ lệ 1:1) 125 mg	Viên nén bao phim	24 tháng	BP 2016	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VN-20622-17
269	Sakardro 250	Cefadroxil (dưới dạng Cefadroxil monohydrat) 250 mg	Bột pha hỗn dịch uống	24 tháng	USP 38	Hộp 10 gói	VN-20623-17

126. Công ty đăng ký: Sandoz GmbH *(Đ/c: Biochemiestrasse 10, A-6250 Kundl - Austria)*

126.1 Nhà sản xuất: Sandoz GmbH *(Đ/c: Biochemiestrasse 10, A-6250 Kundl - Austria)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
270	Xorimax 500mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil) 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 1 vỉ x 10 viên	VN-20624-17

127. Công ty đăng ký: Sava Healthcare Limited *(Đ/c: 508, G.I.D.C Estate, Wadhwancity, 363035 Surendrangar, Gujarat -)*

127.1 Nhà sản xuất: Sava Healthcare Limited *(Đ/c: Plot No. 507-B to 512, G.I.D.C Estate, Wadhwancity, Dist. Surendrangar-363035, Gujarat - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
271	Aze-Air	Azelastine hydrocloride 10mg/10ml	Thuốc xịt mũi	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ 10ml	VN-20625-17

128. Công ty đăng ký: Senju Pharmaceutical Co., Ltd *(Đ/c: 2-5-8, Hiranomachi, Chuo-ku, Osaka 541-0046. - Japan)*

128.1 Nhà sản xuất: Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant *(Đ/c: 4228-1, Aza Kadota, Ishishi, Karatsu-shi, Saga-ken - Japan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
272	Bronuck ophthalmic solution 0.1%	Mỗi ml dung dịch chứa: Bromfenac natri hydrat 1mg	Dung dịch nhỏ mắt	18 tháng	NSX	Hộp chứa 1 lọ x 5ml	VN-20626-17

129. Công ty đăng ký: SM Biomed Sdn. Bhd. *(Đ/c: Lot 90, Sungai Petani Industrial Estate, 08000, Sungai Petani, Kedah - Malaysia)*

129.1 Nhà sản xuất: Laboratorio Reig Jofre, S.A *(Đ/c: Gran Capitán 10- 08970 Sant Joan, Despí, Barcelona. - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
273	Pentome 40mg	Omeprazol (dưới dạng Omeprazol	Bột pha tiêm	24 tháng	NSX	Hộp 1 lọ	VN-20629-17

		natri) 40mg					

129.2 Nhà sản xuất: Laboratorio Reig Jofre, S.A *(Đ/c: Jarama 111 45007 Toledo, Espana - Spain)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
274	Ardineclav 500/125	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500mg; Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali) 125mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 38	Hộp 5 vỉ x 6 viên	VN-20627-17
275	Noviceftrin 2g IV	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri) 2g	Bột pha tiêm	36 tháng	BP2015	Hộp 1 lọ	VN-20628-17

130. Công ty đăng ký: Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 6-20, Tuku, Tuku Village, Sinying District, Tainan City 73055 - Taiwan)*

130.1 Nhà sản xuất: Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd. *(Đ/c: 6-20, Tuku, Tuku Village, Sinying District, Tainan City 73055 - Taiwan)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
276	Levocozate F.C. Tablets 5mg	Levocetirizin dihydroclorid 5mg	Viên nén bao phim	36 tháng	NSX	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20630-17
277	Tilatep for I.V. Injection 200mg	Teicoplanin 200mg	Bột đông khô pha tiêm	36 tháng	NSX	Hộp 1 lọ bột + 1 ống nước cất pha tiêm 3ml	VN-20631-17

131. Công ty đăng ký: Sun Pharmaceutical Industries Ltd. *(Đ/c: Acme Plaza, Andheri - Kurla Road., Andheri (East) Mumbai 400 059 - India)*

131.1 Nhà sản xuất: Sun Pharmaceutical Industries Ltd. *(Đ/c: Halol-Baroda Highway, Halol-389 350, Dist. Panchmahal, Gujarat State - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
278	Letrozsun	Letrozole 2,5 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 38	Hộp 2 vỉ x 14 viên	VN-20632-17

132. Công ty đăng ký: Synmedic Laboratories *(Đ/c: 202 Sai Plaza, 187-188 Sant Nagar, East of Kailash, New Delhi-110065. - India)*

132.1 Nhà sản xuất: Synmedic Laboratories *(Đ/c: 106-107, HSIDC Industrial Estate, Sec-31, Faridabad- 121 003 Haryana - India)* .

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
279	Simtive - 10	Simvastatin 10mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 38	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-20633-17

133. Công ty đăng ký: U Square Lifescience Private Ltd. *(Đ/c: B-804, Premium House, Nr. Gandhigram Station, Off. Ashram Road, Ahmedabad 380009, Gujarat - India)*

133.1 Nhà sản xuất: Yash Medicare Pvt., Ltd *(Đ/c: Near Sabar Dairy, Talod Road, Po Hajipur, Tal: Himatnagar, City: Hajipur-383006, Dist: Sabarkantha, Gujarat - India)*

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
280	Mupirocin USL	Mỗi 1g thuốc mỡ chứa: Mupirocin 20mg	Thuốc mỡ	24 tháng	USP 39	Hộp 1 tuýp 10g	VN-20634-17
281	Sagamome	Mỗi tuýp 20g chứa: Mometason furoat 20mg	Thuốc kem bôi ngoài da	36 tháng	USP 38	Tuýp nhôm 20g	VN-20635-17

PHỤ TRÁCH QUẢN LÝ,
ĐIỀU HÀNH CỤC

Trương Quốc Cường
Thứ trưởng Bộ Y tế